

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính năm 2021  
được chuẩn hóa và bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết  
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 582/TTr-STNMT ngày 31 tháng 12 năm 2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 97 (chín mươi bảy) thủ tục hành chính năm 2021 được chuẩn hóa và bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu, cụ thể như sau:

1. Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa: 95 (chín mươi lăm) thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu (phụ lục 1), gồm các lĩnh vực:

- Lĩnh vực Đăng ký biện pháp bảo đảm: 09 thủ tục;
- Lĩnh vực Đất đai: 32 thủ tục;
- Lĩnh vực Đo đạc bản đồ và thông tin địa lý: 01 thủ tục;
- Lĩnh vực Tổng hợp: 01 thủ tục;
- Lĩnh vực Môi trường: 12 thủ tục;



- Lĩnh vực Khí tượng thủy văn: 03 thủ tục;
- Lĩnh vực Khoáng sản: 18 thủ tục;
- Lĩnh vực Biển: 5 thủ tục;
- Lĩnh vực Tài nguyên nước: 14 thủ tục.

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ gồm: 02 (hai) thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu (Phụ lục 2).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định cụ thể như sau:

- Quyết định số 437/QĐ-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc danh mục công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu;

- Quyết định số 980/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc danh mục công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu;

- Quyết định số 1251/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc danh mục công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu;

- Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc danh mục công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu;

- Quyết định số 1930/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc danh mục công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu;

- Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc danh mục công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu;

- Quyết định số 852/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc danh mục công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu;

- Quyết định số 1485/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc danh mục công bố thủ tục hành chính mới



ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu;

- Quyết định số 1587/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc danh mục công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu;

- Quyết định số 1588/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc danh mục công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu;

- Quyết định số 1591/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc danh mục công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Bưu điện tỉnh, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, VPCP (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- P.CVP (Tô Thành Phương);
- Trưởng phòng KSTTHC;
- Phó Trưởng phòng KT;
- CV Quyền (Phòng KT);
- CV Nhung;
- Công TT điện tử tỉnh;
- Lưu: VT; KSTTHC (MN,10)

**KT.CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Cao Xuân Thu Vân**

**Phụ lục 1**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NĂM 2021 ĐƯỢC CHUẨN HÓA,**  
**THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BẠC LIÊU**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 125 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2022*  
*của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	<b>LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM (09 thủ tục)</b>						
1	1.004583.000.00.00.H04	Đăng ký thể chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (gồm trường hợp đăng ký thể chấp quyền sử dụng đất hoặc đăng ký thể chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hoặc đăng ký thể chấp tài sản gắn liền với đất)	- Trực tiếp; - Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.	Trong ngày, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ, thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ thì cũng không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ.	<i>Đối với đối tượng thực hiện TTHC là tổ chức:</i> Nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh. <i>Đối với đối tượng thực hiện TTHC là hộ gia đình, cá nhân:</i> Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công cấp huyện.	- Phí: 95.000 đồng/Giấy chứng nhận; - Các trường hợp miễn thu phí: Hộ gia đình, cá nhân khi đăng ký giao dịch bảo đảm vay vốn tại tổ chức tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại Điều 4, Điều 9 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn.	- Luật đất đai năm 2013; - Luật nhà ở năm 2014; - Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật



							<p>Nhà ở;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;</li> <li>- Thông tư số 07/2019/TT-BTP ngày 25/11/2019 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số nội dung về đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất;</li> <li>- Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu;</li> <li>- Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục,</li> </ul>
--	--	--	--	--	--	--	---

							mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.
2	1.004550.000.00.00 H04	Đăng ký thể chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở, nhà ở hình thành trong tương lai	- Trực tiếp; - Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.	Trong ngày, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ, thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ thì cũng không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ.	<i>Đối với đối tượng thực hiện TTHC là tổ chức:</i> Nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh. <i>Đối với đối tượng thực hiện TTHC là hộ gia đình, cá nhân:</i> Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công cấp huyện.	- Phí: 95.000 đồng/Giấy chứng nhận; - Các trường hợp miễn thu phí: Hộ gia đình, cá nhân khi đăng ký giao dịch bảo đảm vay vốn tại tổ chức tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại Điều 4, Điều 9 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn.	- Luật đất đai năm 2013; - Luật nhà ở năm 2014; - Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung



							<p>một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 07/2019/TT-BTP ngày 25/11/2019 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số nội dung về đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất;</li> <li>- Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu;</li> <li>- Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.</li> </ul>
--	--	--	--	--	--	--	---

3	1.003862.000.00.00.H04	<p>Đăng ký thể chấp tài sản gắn liền với đất không phải là nhà ở mà tài sản đó đã hình thành nhưng chưa được chứng nhận quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận</p>	<p>- Trực tiếp; - Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.</p>	<p>Trong ngày, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ, thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ thì cũng không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ.</p>	<p><i>Đối với đối tượng thực hiện TTHC là tổ chức:</i> Nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh. <i>Đối với đối tượng thực hiện TTHC là hộ gia đình, cá nhân:</i> Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công cấp huyện.</p>	<p>- Phí: 95.000 đồng/Giấy chứng nhận; - Các trường hợp miễn thu phí: Hộ gia đình, cá nhân khi đăng ký giao dịch bảo đảm vay vốn tại tổ chức tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại Điều 4, Điều 9 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn.</p>	<p>- Luật đất đai năm 2013; - Luật nhà ở năm 2014; - Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; - Thông tư số 07/2019/TT-BTP ngày</p>
---	------------------------	---	--	---	--	---	---



							<p>25/11/2019 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số nội dung về đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất;</p> <p>- Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu;</p> <p>- Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.</p>
--	--	--	--	--	--	--	---

4	1.003688. 000.00.00 .H04	Đăng ký bảo lưu quyền sở hữu trong trường hợp mua bán tài sản gắn liền với đất có bảo lưu quyền sở hữu	- Trực tiếp; - Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.	Trong ngày, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ, thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ thì cũng không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ.	<i>Đối với đối tượng thực hiện TTHC là tổ chức:</i> Nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh. <i>Đối với đối tượng thực hiện TTHC là hộ gia đình, cá nhân:</i> Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công cấp huyện.	- Phí: 95.000 đồng/Giấy chứng nhận; - Các trường hợp miễn thu phí: Hộ gia đình, cá nhân khi đăng ký giao dịch bảo đảm vay vốn tại tổ chức tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại Điều 4, Điều 9 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn.	- Luật đất đai năm 2013; - Luật nhà ở năm 2014; - Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; - Thông tư số 07/2019/TT-BTP ngày
---	--------------------------------	--	--	--	--	---	--



							<p>25/11/2019 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số nội dung về đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất;</p> <p>- Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu;</p> <p>- Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.</p>
--	--	--	--	--	--	--	---

5	1.003625. 000.00.00 .H04	Đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký	- Trực tiếp; - Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.	Trong ngày, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ, thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ thì cũng không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ.	<i>Đối với đối tượng thực hiện TTHC là tổ chức:</i> Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh. <i>Đối với đối tượng thực hiện TTHC là hộ gia đình, cá nhân:</i> Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công cấp huyện.	- Phí: 70.000 đồng/Giấy chứng nhận; - Các trường hợp miễn thu phí: Hộ gia đình, cá nhân khi đăng ký giao dịch bảo đảm vay vốn tại tổ chức tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại Điều 4, Điều 9 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn.	- Luật đất đai năm 2013; - Luật nhà ở năm 2014; - Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; - Thông tư số 07/2019/TT-BTP ngày
---	--------------------------------	---	--	--	--	---	--



							<p>25/11/2019 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số nội dung về đăng ký thể chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất;</p> <p>- Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu;</p> <p>- Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.</p>
--	--	--	--	--	--	--	---

6	1.003046. 000.00.00 .H04	Sửa chữa sai sót nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký do lỗi của cơ quan đăng ký	- Trực tiếp; - Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.	Trong ngày, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ, thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ thì cũng không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ.	<del>Đối với đối tượng thực hiện TTHC là tổ chức:</del> Nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh. <del>Đối với đối tượng thực hiện TTHC là hộ gia đình, cá nhân:</del> Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công cấp huyện.	Không thu phí, lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật đất đai năm 2013;</li> <li>- Luật nhà ở năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm;</li> <li>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</li> <li>- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;</li> <li>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;</li> <li>- Thông tư số 07/2019/TT-BTP ngày</li> </ul>
---	--------------------------------	--	--	--	--	-----------------------	--



							<p>25/11/2019 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số nội dung về đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất;</p> <p>- Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu;</p> <p>- Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.</p>
--	--	--	--	--	--	--	---

7	2.000801. 000.00.00 .H04	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	- Trực tiếp; - Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.	Trong ngày, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ, thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ thì cũng không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ.	<i>Đối với đối tượng thực hiện TTHC là tổ chức:</i> Nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh. <i>Đối với đối tượng thực hiện TTHC là hộ gia đình, cá nhân:</i> Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công cấp huyện.	- Phí: 85.000 đồng/Giấy chứng nhận; - Các trường hợp miễn thu phí: Hộ gia đình, cá nhân khi đăng ký giao dịch bảo đảm vay vốn tại tổ chức tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại Điều 4, Điều 9 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn.	- Luật đất đai năm 2013; - Luật nhà ở năm 2014; - Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; - Thông tư số 07/2019/TT-BTP ngày
---	--------------------------------	---	--	--	--	---	--



							<p>25/11/2019 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số nội dung về đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất;</p> <p>- Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu;</p> <p>- Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.</p>
--	--	--	--	--	--	--	---

8	1.001696. 000.00.00 .H04	Chuyển tiếp đăng ký thể chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở	- Trực tiếp; - Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.	Trong ngày, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ, thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ thì cũng không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ.	<i>Đối với đối tượng thực hiện TTHC là tổ chức:</i> Nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh. <i>Đối với đối tượng thực hiện TTHC là hộ gia đình, cá nhân:</i> Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công cấp huyện.	- Phí: 95.000 đồng/Giấy chứng nhận; - Các trường hợp miễn thu phí: Hộ gia đình, cá nhân khi đăng ký giao dịch bảo đảm vay vốn tại tổ chức tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại Điều 4, Điều 9 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn.	- Luật đất đai năm 2013; - Luật nhà ở năm 2014; - Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; - Thông tư số 07/2019/TT-BTP ngày
---	--------------------------------	---	---	--	---	--	---



							<p>25/11/2019 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số nội dung về đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất;</p> <p>- Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu;</p> <p>- Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.</p>
--	--	--	--	--	--	--	---

9	1.000655. 000.00.00 .H04	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	- Trực tiếp; - Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.	Trong ngày, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ, thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ thì cũng không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ.	- <i>Đối với đối tượng thực hiện TTHC là tổ chức:</i> Nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh. - <i>Đối với đối tượng thực hiện TTHC là hộ gia đình, cá nhân:</i> Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công cấp huyện.	- Phí: 20.000 đồng/Giấy chứng nhận; - Các trường hợp miễn thu phí: Hộ gia đình, cá nhân khi đăng ký giao dịch bảo đảm vay vốn tại tổ chức tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại Điều 4, Điều 9 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn.	- Luật đất đai năm 2013; - Luật nhà ở năm 2014; - Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; - Thông tư số 07/2019/TT-BTP ngày
---	--------------------------------	---	---	--	---	--	---



							<p>25/11/2019 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số nội dung về đăng ký thể chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất;</p> <p>- Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu;</p> <p>- Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.</p>
--	--	--	--	--	--	--	---

II	LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI (32 thủ tục)						
10	1.010200. 000.00.00 .H04	Chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</li> <li>- Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tài nguyên và Môi trường trình, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét có văn bản chấp thuận hoặc trả lời tổ chức kinh tế về việc nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất.</li> </ul>	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (Đường Nguyễn Văn Linh, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)	Không thu phí, lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đất đai năm 2013;</li> <li>- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai.</li> </ul>
11	1.004688. 000.00.00 .H04	Điều chỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Thủ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của người sử dụng đất, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn người sử dụng đất lập hồ sơ đề</li> </ul>	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (Đường Nguyễn Văn Linh, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)	Không thu phí, lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật đất đai năm 2013;</li> <li>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</li> </ul>



		<p>tướng Chính phủ đã ban hành trước 01/7/2004</p>	<p>trình Ủy ban nhân dân tỉnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn không quá 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định điều chỉnh thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.</li> <li>- Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ.</li> <li>- Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị góp ý của Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, ngành có trách nhiệm phải gửi ý kiến đến Bộ Tài nguyên và Môi trường.</li> </ul>	<p>Liều)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</li> <li>- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.</li> </ul>
--	--	--	--	--------------	--

12	1.004217.000.00.00.H04	Gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không quá 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.</li> <li>- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.</li> </ul>	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (Đường Nguyễn Văn Linh, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Phí:</b> Không</li> <li>- <b>Lệ phí:</b> Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất</li> <li>*. Đối với đối tượng thực hiện TTHC là tổ chức: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trường hợp cấp mới GCN: 350.000 đồng/hồ sơ/01 thửa</li> <li>+ Trường hợp không cấp mới GCN: 300.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> <li>+ Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính (nếu có): 30.000 đồng/lần.</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật đất đai năm 2013;</li> <li>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</li> <li>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</li> <li>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;</li> <li>- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi,</li> </ul>
----	------------------------	--	--	---	--	--	---



							<p>bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;</li> <li>- Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu;</li> <li>- Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục,</li> </ul>
--	--	--	--	--	--	--	---

							mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.
13	1.003010.000.00.00.H04	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	- Trực tiếp; - Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì không quá 03 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định. - Thời hạn giải quyết không quá 15 ngày; Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu ( <i>Đường Nguyễn Văn Linh, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu</i> )	Không thu phí, lệ phí	- Luật đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai. - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi



							<p>trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;</p> <p>- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.</p>
14	1.002253.000.00.00.H04	<p>Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm</p>	<p>- Trực tiếp; - Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.</p>	<p>- Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy</p>	<p>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (Đường Nguyễn Văn Linh, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)</p>	<p>- <b>Phí:</b> Thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất + Trường hợp Nhà nước giao đất, cho thuê đất:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Diện tích dưới 0,5 ha: 1.800.000</li> </ul>	<p>- Luật đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số</p>

		quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao		định. - Thời hạn giải quyết: Không quá 20 ngày (không kể thời gian thu hồi, bồi thường giải phóng mặt bằng; không kể thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất). Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.		đồng/hồ sơ/01 thửa. • Diện tích từ 0,5 ha đến dưới 01 ha: 3.000.000 đồng/hồ sơ/01 thửa. • Diện tích từ 1 ha đến dưới 3 ha: 4.200.000 đồng/hồ sơ/01 thửa. • Diện tích từ 3 ha đến dưới 10 ha: 5.400.000 đồng/hồ sơ/01 thửa. • Diện tích từ 10 ha đến dưới 30 ha: 6.600.000 đồng/hồ sơ/01 thửa. • Diện tích từ 30 ha trở lên: 7.800.000 đồng/hồ sơ/01 thửa. + Trường hợp giao đất cho cơ quan Nhà nước: • Diện tích dưới 1 ha: 1.200.000 đồng/hồ sơ/01	01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; - Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu; - Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm,
--	--	---	--	--	--	---	---

						<p>thừa.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Diện tích từ 1 ha đến dưới 3 ha: 1.800.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> <li>• Diện tích từ 3 ha đến dưới 10 ha: 3.000.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> <li>• Diện tích từ 10 ha đến dưới 30 ha: 4.200.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> <li>• Diện tích từ 30 ha trở lên: 5.400.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> </ul> <p>- <b>Lệ phí:</b> Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất.</p> <p>+ Cấp GCN quyền sử dụng đất: 150.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</p> <p>+ Cấp GCN quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở hoặc cấp GCN quyền sử dụng đất và tài sản khác</p>	<p>quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.</p>
--	--	--	--	--	--	--	---



						gắn liền với đất: 350.000 đồng/hồ sơ/01 thửa. + Cấp GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 550.000 đồng/hồ sơ/01 thửa. + Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính (nếu có): 30.000 đồng/lần	
15	1.002040. 000.00.00 .H04	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập	- Trực tiếp; - Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.	- Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định. - Thời hạn giải quyết: Không quá 20 ngày (không kể thời gian thu hồi, bồi thường, giải phóng mặt bằng; không kể thời gian thực hiện	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (Đường Nguyễn Văn Linh, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)	- <b>Phí:</b> Thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất + Trường hợp Nhà nước giao đất, cho thuê đất: • Diện tích dưới 0,5 ha: 1.800.000 đồng/hồ sơ/01 thửa. • Diện tích từ 0,5 ha đến dưới 01 ha: 3.000.000 đồng/hồ sơ/01 thửa. • Diện tích từ 1 ha	- Luật đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Thông tư số

		<p>dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao</p>		<p>nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất). Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định.</p>		<p>đến dưới 3 ha: 4.200.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Diện tích từ 3 ha đến dưới 10 ha: 5.400.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> <li>• Diện tích từ 10 ha đến dưới 30 ha: 6.600.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> <li>• Diện tích từ 30 ha trở lên: 7.800.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> </ul> <p>+ Trường hợp giao đất cho cơ quan Nhà nước:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Diện tích dưới 1 ha: 1.200.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> <li>• Diện tích từ 1 ha đến dưới 3 ha: 1.800.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> <li>• Diện tích từ 3 ha đến dưới 10 ha:</li> </ul>	<p>30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu;</li> <li>- Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.</li> </ul>
--	--	--	--	---	--	---	---

						<p>3.000.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Diện tích từ 10 ha đến dưới 30 ha: 4.200.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> <li>• Diện tích từ 30 ha trở lên: 5.400.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> </ul> <p>- <b>Lệ phí:</b> Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất.</p> <p>+ Cấp GCN quyền sử dụng đất: 150.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</p> <p>+ Cấp GCN quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở hoặc cấp GCN quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất: 350.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</p> <p>+ Cấp GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:</p>	
--	--	--	--	--	--	--	--



						550.000 đồng/hồ sơ/01 thửa. + Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính (nếu có): 30.000 đồng/lần	
16	1.004257. 000.00.00 .H04	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép cơ quan có thẩm quyền đối với tổ chức.	- Trực tiếp; - Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.	- Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định. - Thời hạn giải quyết: Không quá 15 ngày (không kể thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất). Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (Đường Nguyễn Văn Linh, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)	- <b>Phí:</b> Thẩm định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. + Trường hợp cấp mới GCN: 350.000 đồng/hồ sơ/01 thửa + Trường hợp không cấp mới GCN: 300.000 đồng/hồ sơ/01 thửa. - <b>Lệ phí:</b> Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất + Cấp GCN quyền sử dụng đất: 150.000 đồng/hồ sơ/01 thửa. + Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai: 50.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.	- Luật đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích

				có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.		+ Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính (nếu có): 30.000 đồng/lần.	sử dụng đất, thu hồi đất; - Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu; - Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.
17	1.005398.000.00.00.H04	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	- Trực tiếp; - Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.	- Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ	- <b>Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước</b>	Không thu phí, lệ phí	- Luật đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày



				<p>tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.</p> <p>Đối với các xã vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</p> <p>- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.</p>	<p>ngoài có chức năng ngoại giao: Nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu.</p> <p>- Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã nếu có nhu cầu.</p>	<p>06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;</p> <p>- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai</p>
--	--	--	--	--	--	---



							<p>và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu;</p> <p>- Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh</p>
--	--	--	--	--	--	--	---

							Bạc Liêu.
18	2.001938. 000.00.00 .H04	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	- Trực tiếp; - Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.	<p>- Không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.</p> <p>Đối với các xã vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</p>	<p>- Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: Nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu.</p> <p>- Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại</p>	Không thu phí, lệ phí	<p>- Luật đất đai năm 2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ</p>



					Việt Nam: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã nếu có nhu cầu.		sơ địa chính; - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.
19	1.004238.000.00.00.H04	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	- Trực tiếp; - Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.	- Không quá 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.	- Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: Nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu. - Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư,	1. Phí: Không 2. Lệ phí: Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất. * Đối với đối tượng thực hiện TTHC là tổ chức: + Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai: 50.000 đồng/hồ sơ/01 thửa * Đối với đối tượng thực hiện TTHC là hộ gia đình, cá nhân: + Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai: Đất tại khu vực	- Luật đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy



					<p>người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã nếu có nhu cầu.</p>	<p>phường, thị trấn: 30.000 đồng/hồ sơ/01 thửa. Đất tại khu vực xã: 15.000 đồng/hồ sơ/01 thửa. + Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính (nếu có): 15.000 đồng/lần. * Lưu ý: Miễn Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất cho đối tượng là người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p>	<p>định chi tiết thi hành Luật đất đai; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính; - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; - Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu; - Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc</p>
--	--	--	--	--	---	---	---

							ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.
20	1.004227. 000.00.00 .H04	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký,	- Trực tiếp; - Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.	- Không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định. - Đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10.	- Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: Nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu. - Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền	1. Phí: Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất * Đối với đối tượng thực hiện TTHC là tổ chức: + Trường hợp cấp mới GCN: 350.000 đồng/hồ sơ/01 thửa. + Trường hợp không thực hiện cấp mới GCN: 300.000 đồng/hồ sơ/01 thửa. * Đối với đối tượng thực hiện TTHC là hộ gia đình, cá nhân: + Đối với đất sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh: • Trường hợp cấp mới GCN: 85.000 đồng/hồ sơ/01 thửa • Trường hợp không thực hiện cấp mới	- Luật đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ



		cấp Giấy chứng nhận	ngày. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.	với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã nếu có nhu cầu.	GCN: 68.000 đồng/hồ sơ/01 thửa + Đối với đất sử dụng làm nhà ở: • Trường hợp cấp mới GCN: 76.500 đồng/hồ sơ/01 thửa • Trường hợp không thực hiện cấp mới GCN: 61.200 đồng/hồ sơ/01 thửa <b>2. Lệ phí:</b> Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất. * Đối với đối tượng thực hiện TTHC là tổ chức: + Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai: 50.000 đồng/hồ sơ/01 thửa. + Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính (nếu có): 30.000 đồng/lần. * Đối với đối tượng thực hiện TTHC là hộ	Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; - Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND
--	--	------------------------	--	---	--	---



					<p>gia đình, cá nhân:          + Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai:          • Đất tại khu vực phường, thị trấn: 30.000 đồng/hồ sơ/01 thửa;          • Đất tại khu vực xã: 15.000 đồng/hồ sơ/01 thửa          + Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính (nếu có): 15.000 đồng/lần.          * <u>Lưu ý</u>: Miễn Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất cho đối tượng là người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p>	<p>ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu;          - Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.</p>
--	--	--	--	--	--	---

21	1.004221. 000.00.00 .H04	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định. Đối với các xã vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</li> <li>- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: Nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu.</li> <li>- Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính</li> </ul>	<p>1. Phí: Không</p> <p>2. Lệ phí: Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Đối với đối tượng thực hiện TTHC là tổ chức: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai: 50.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> <li>+ Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính (nếu có): 30.000 đồng/lần.</li> </ul> </li> <li>* Đối với đối tượng thực hiện TTHC là hộ gia đình, cá nhân: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Đất tại khu vực phường, thị trấn: 30.000 đồng/hồ sơ/01 thửa;</li> <li>• Đất tại khu vực xã: 15.000 đồng/hồ</li> </ul> </li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật đất đai năm 2013;</li> <li>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</li> <li>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</li> <li>- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;</li> <li>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;</li> <li>- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT</li> </ul>
----	--------------------------------	--	--	---	---	---	--



				việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.	<p>công cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã nếu có nhu cầu.</p>	<p>so/01 thửa.</p> <p>+ Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính (nếu có): 15.000 đồng/lần.</p> <p>* <b>Lưu ý:</b> Miễn Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất cho đối tượng là người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p>	<p>ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu;</p> <p>- Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.</p>
--	--	--	--	--	---	--	---



22	1.003836. 000.00.00 .H04	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không quá 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định. Đối với các xã vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</li> <li>- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: Nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu.</li> <li>- Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính</li> </ul>	<p>1. <b>Phí:</b> Thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Đối với đối tượng thực hiện TTHC là tổ chức: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trường hợp cấp mới GCN: 350.000 đồng/hồ sơ/01 thửa</li> <li>+ Trường hợp không cấp mới GCN: 300.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> </ul> </li> <li>*. Đối với đối tượng thực hiện TTHC là hộ gia đình, cá nhân: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đất sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh: 68.000 đồng/hồ sơ/01 thửa</li> <li>+ Đối với đất sử dụng làm nhà ở: 61.200 đồng/hồ sơ/01 thửa</li> </ul> </li> </ul> <p>2. <b>Lệ phí:</b> Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>*. Đối với đối tượng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật đất đai năm 2013;</li> <li>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</li> <li>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</li> <li>- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;</li> <li>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;</li> <li>- Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND</li> </ul>
----	--------------------------------	--	--	---	---	---	---

				việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.	<p>công cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã nếu có nhu cầu.</p>	<p>thực hiện TTHC là tổ chức:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trường hợp cấp mới GCN: 350.000 đồng/hồ sơ/01 thửa</li> <li>+ Trường hợp không cấp mới GCN: 300.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> <li>+ Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính (nếu có): 30.000 đồng/lần.</li> </ul> <p>*. Đối với đối tượng thực hiện TTHC là hộ gia đình, cá nhân:</p> <p>Đất tại khu vực phường, thị trấn: 30.000 đồng/hồ sơ/01 thửa</p> <p>Đất tại khu vực xã: 15.000 đồng/hồ sơ/01 thửa</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trường hợp nếu có trích lục thửa đất: 15.000 đồng/lần</li> </ul> <p>* Lưu ý: Miễn Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận</p>	<p>ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu;</p> <p>- Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.</p>
--	--	--	--	--	---	---	---



						quyền sử dụng đất và Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất cho đối tượng là người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	
23	1.004206.000.00.00.H04	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	- Trực tiếp; - Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.	- Không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định. Đối với các xã vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó	- Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: Nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu. - Hộ gia đình, cá nhân, cộng	1. <b>Phí:</b> Thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất + Đất sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh: 68.000 đồng/hồ sơ/01 thửa + Đối với đất sử dụng làm nhà ở: 61.200 đồng/hồ sơ/01 thửa 2. <b>Lệ phí:</b> Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất Đất tại khu vực phường, thị trấn: 30.000 đồng/hồ sơ/01	- Luật đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung

				<p>khẩn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</p> <p>- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.</p>	<p><b>đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam:</b> Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã nếu có nhu cầu.</p>	<p>thừa Đất tại khu vực xã: 15.000 đồng/hồ sơ/01 thửa + Trường hợp nếu có trích lục thửa đất: 15.000 đồng/lần * Lưu ý: Miễn Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất cho đối tượng là người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p>	<p>một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;</p> <p>- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu;</p> <p>- Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của Ủy ban</p>
--	--	--	--	--	---	--	--



							nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.
24	1.004203. 000.00.00 .H04	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	<p>- Trực tiếp; - Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.</p>	<p>- Không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.</p> <p>Đối với các xã vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</p>	<p>- Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: Nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu.</p> <p>- Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu</p>	<p>1. Phí: Thẩm định hồ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.</p> <p>* Đối với đối tượng thực hiện TTHC là tổ chức: + Trường hợp cấp mới GCN: 350.000 đồng/hồ sơ/01 thửa. + Trường hợp không thực hiện cấp mới GCN: 300.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</p> <p>* Đối với đối tượng thực hiện TTHC là hộ gia đình, cá nhân: + Đối với đất sản xuất, kinh doanh: Trường hợp cấp mới GCN: 85.000 đồng/hồ sơ/01 thửa Trường hợp xác nhận biến động vào GCN: 68.000 đồng/hồ sơ/01</p>	<p>- Luật đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT</p>

				<p>- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.</p>	<p><b>nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam:</b> Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã nếu có nhu cầu.</p>	<p>thừa + Đối với đất sử dụng làm nhà ở: Trường hợp cấp mới GCN: 76.500 đồng/hồ sơ/01 thửa Trường hợp không thực hiện cấp mới GCN: 61.200 đồng/hồ sơ/01 thửa <b>2. Lệ phí:</b> Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất. *. Đối với đối tượng thực hiện TTHC là tổ chức: - Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 150.000 đồng/hồ sơ/01 thửa. - Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai: 50.000 đồng/hồ sơ/01 thửa. - Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính (nếu có): 30.000</p>	<p>ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính; - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; - Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu; - Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh</p>
--	--	--	--	--	--	--	--



					<p>đồng/lần.</p> <p>*. Đối với đối tượng thực hiện TTHC là hộ gia đình, cá nhân:</p> <p>+ Đất tại khu vực phường: 35.000 đồng/hồ sơ/01 thửa</p> <p>+ Đất tại khu vực thị trấn: 25.000 đồng/hồ sơ/01 thửa</p> <p>+ Đất tại khu vực xã: 12.000 đồng/hồ sơ/01 thửa</p> <p>+ Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính (nếu có): 15.000 đồng/lần.</p> <p>* Lưu ý: Miễn Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất cho đối tượng là người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ</p>	Bạc Liêu.
--	--	--	--	--	---	-----------

						nghèo; người khuyết tật.	
25	1.004199. 000.00.00 .H04	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	- Trực tiếp; - Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.	<p>- Không quá 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Trường hợp cấp đổi đồng loạt cho nhiều người sử dụng đất do đo vẽ lại bản đồ là không quá 50 ngày.</p> <p>Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định.</p> <p>Đối với các xã vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt</p>	<p>- <b>Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao:</b> Nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu.</p> <p>- <b>Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại</b></p>	<p><b>1. Phí:</b> Thẩm định hồ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất</p> <p>*. Đối với đối tượng thực hiện TTHC là tổ chức:</p> <p>- Cấp, cấp đổi, cấp lại GCN: 350.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</p> <p>- *. Đối với đối tượng thực hiện TTHC là hộ gia đình, cá nhân:</p> <p>+ Đối với đất sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh: 68.000 đồng/hồ sơ/01 thửa</p> <p>+ Đối với đất sử dụng làm nhà ở: 61.200 đồng/hồ sơ/01 thửa</p> <p><b>2. Lệ phí:</b> Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất</p> <p>*. Đối với đối tượng thực hiện TTHC là tổ</p>	<p>- Luật đất đai năm 2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ</p>



				<p>khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</p> <p>- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.</p>	<p><b>Việt Nam:</b> Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã nếu có nhu cầu.</p>	<p>chức:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấp đổi, cấp lại quyền sử dụng đất: 50.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> <li>- Cấp đổi, cấp lại quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 70.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> <li>- Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính (nếu có): 30.000 đồng/lần.</li> </ul> <p>*. Đối với đối tượng thực hiện TTHC là hộ gia đình, cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đất tại khu vực phường: 30.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> <li>+ Đất tại khu vực thị trấn: 20.000 đồng/hồ sơ/01 thửa</li> <li>+ Đất tại khu vực xã: 10.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> <li>+ Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số</li> </ul>	<p>sơ địa chính;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;</li> <li>- Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu;</li> <li>- Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.</li> </ul>
--	--	--	--	--	---	--	--

						liệu hồ sơ địa chính (nếu có): 15.000 đồng/lần. * Lưu ý: Miễn Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất cho đối tượng là người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	
26	2.001761.000.00.00.H04	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân	- Trực tiếp; - Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.	- Không quá 10 ngày. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm	<b>- Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao:</b> Nộp hồ sơ	<b>1. Phí:</b> Thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất + Đối với đất sản xuất, kinh doanh: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Trường hợp cấp mới GCN: 85.000 đồng/hồ sơ/01 thửa</li> <li>• Trường hợp chứng nhận biến động: 68.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> </ul> + Đối với đất sử dụng	- Luật đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy



				<p>pháp luật, thời gian trung cầu giám định. Đối với các xã vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</p> <p>- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.</p>	<p>tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu.</p> <p>- <b>Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài</b> được <b>sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam:</b> Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã nếu có nhu cầu.</p>	<p>làm nhà ở:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Trường hợp cấp mới GCN: 76.500 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> <li>• Trường hợp chứng nhận biến động: 61.200 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> </ul> <p><b>2. Lệ phí:</b> Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất:</p> <p>+ Trường hợp cấp mới GCN:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Đất tại khu vực phường: 35.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> <li>• Đất tại khu vực thị trấn: 25.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> <li>• Đất tại khu vực xã: 12.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> </ul> <p>+ Trường hợp chứng</p>	<p>định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;</li> <li>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;</li> <li>- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;</li> <li>- Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn,</li> </ul>
--	--	--	--	---	---	---	--

						<p>nhận biên động:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Đất tại khu vực phường, thị trấn: 30.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> <li>• Đất tại khu vực xã: 15.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> </ul> <p>+ Trường hợp nếu có trích lục thửa đất: 15.000 đồng/lần.</p> <p>* <b>Lưu ý:</b> Miễn Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất cho đối tượng là người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p>	<p>giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu;</p> <p>- Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.</p>
--	--	--	--	--	--	--	---



27	1.004193. 000.00.00 .H04	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	<p>- Trực tiếp; - Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.</p>	<p>- Không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định. Đối với các xã vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</p> <p>- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm</p>	<p>- Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: Nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu.</p> <p>- Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính.</p>	<p>(1) Phí: Không (2) Lệ phí: Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất *. Đối với đối tượng thực hiện TTHC là tổ chức: - Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai: 50.000 đồng/hồ sơ/01 thửa. *. Đối với đối tượng thực hiện TTHC là hộ gia đình, cá nhân: + Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai: Đất tại khu vực phường, thị trấn: 30.000 đồng/hồ sơ/01 thửa Đất tại khu vực xã: 15.000 đồng/hồ sơ/01 thửa * Lưu ý: Miễn Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và</p>	<p>- Luật đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT</p>
----	--------------------------------	---	--	--	---	--	--

				việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.	công cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã nếu có nhu cầu.	<p>Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất cho đối tượng là người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p>	<p>ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;</li> <li>- Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu;</li> <li>- Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc</li> </ul>
--	--	--	--	--	--	--	--



							ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.
28	1.004177.000.00.00.H04	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.</li> </ul>	Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian tối đa 03 ngày, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có trách nhiệm kiểm tra, thông báo cho người sử dụng đất biết rõ lý do; sau 30 ngày kể từ ngày gửi thông báo cho người sử dụng đất mà không có đơn khiếu nại thì ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp (trừ trường hợp người được cấp Giấy chứng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: Nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu.</li> <li>- Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền</li> </ul>	Không thu phí, lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật đất đai năm 2013;</li> <li>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</li> <li>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</li> <li>- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;</li> <li>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ</li> </ul>

				<p>nhận đã thực hiện thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc chuyển mục đích sử dụng đất và đã được giải quyết theo quy định của pháp luật).</p>	<p><b>với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam:</b> Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã nếu có nhu cầu.</p>	<p>Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;</li> <li>- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;</li> <li>- Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên</li> </ul>
--	--	--	--	--	---	--



							địa bàn tỉnh Bạc Liêu; - Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.
29	1.003003.000.00.00.H04	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	- Trực tiếp; - Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.	- Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định. Đối với các xã vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó	- Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: Nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu. - Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư,	<b>1. Phí:</b> Thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất * Đối với đối tượng thực hiện TTHC là tổ chức: + Trường hợp Nhà nước giao đất, cho thuê đất: Diện tích dưới 0,5 ha: 1.800.000 đồng/hồ sơ/01 thửa. Diện tích từ 0,5 ha đến dưới 01 ha: 3.000.000 đồng/hồ sơ/01 thửa. Diện tích từ 1 ha đến dưới 3 ha: 4.200.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.	- Luật đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy

				<p>khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</p> <p>- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.</p>	<p><b>người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam:</b> Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã nếu có nhu cầu.</p>	<p>Diện tích từ 3 ha đến dưới 10 ha: 5.400.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</p> <p>Diện tích từ 10 ha đến dưới 30 ha: 6.600.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</p> <p>Diện tích từ 30 ha trở lên: 7.800.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</p> <p>+ Trường hợp giao đất cho cơ quan Nhà nước:</p> <p>Diện tích dưới 1 ha: 1.200.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</p> <p>Diện tích từ 1 ha đến dưới 3 ha: 1.800.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</p> <p>Diện tích từ 3 ha đến dưới 10 ha: 3.000.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</p> <p>Diện tích từ 10 ha đến dưới 30 ha: 4.200.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</p> <p>Diện tích từ 30 ha trở lên: 5.400.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</p> <p>+ Trường hợp cấp GCN lần đầu không thuộc Nhà nước giao</p>	<p>định chi tiết thi hành Luật đất đai;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;</p> <p>- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số</p>
--	--	--	--	--	--	--	--



						<p>đất, cho thuê đất: 350.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</p> <p>* Đối với đối tượng thực hiện TTHC là hộ gia đình, cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đất sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh: 85.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> <li>+ Đất sử dụng làm nhà ở: 76.500 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> </ul> <p><b>2. Lệ phí:</b> Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất:</p> <p>*. Đối với đối tượng thực hiện TTHC là tổ chức:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấp GCN quyền sử dụng đất: 150.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> <li>- Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở hoặc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản</li> </ul>	<p>33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;</li> <li>- Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn,</li> </ul>
--	--	--	--	--	--	--	--

						<p>khác gắn liền với đất: 350.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</p> <p>- Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 550.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</p> <p>- Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính (nếu có): 30.000 đồng/lần.</p> <p>*. Đối với đối tượng thực hiện TTHC là hộ gia đình, cá nhân:</p> <p>+ Đất tại khu vực phường: 35.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</p> <p>+ Đất tại khu vực thị trấn: 25.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</p> <p>+ Đất tại khu vực xã: 12.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</p> <p>+ Trường hợp nếu có trích lục thửa đất: 15.000 đồng/lần.</p> <p>* Lưu ý: Miễn Phí</p>	<p>giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu;</p> <p>- Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.</p>
--	--	--	--	--	--	--	---



						thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất cho đối tượng là người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	
30	2.000983. 000.00.00 .H04	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	- Trực tiếp; - Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.	- Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm	- Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: Nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	1. <b>Phí:</b> Thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất *. Đối với đối tượng thực hiện TTHC là tổ chức: 350.000 đồng/hồ sơ/01 thửa. *. Đối với đối tượng thực hiện TTHC là hộ gia đình, cá nhân: + Đất sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh: 85.000 đồng/hồ sơ/01 thửa. + Đất sử dụng làm	- Luật đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Nghị định số

				<p>pháp luật, thời gian trung cầu giám định. Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</p> <p>- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.</p>	<p>Bạc Liêu.</p> <p>- <b>Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam:</b> Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã nếu có nhu cầu.</p>	<p>nhà ở: 76.500 đồng/hồ sơ/01 thửa.</p> <p><b>2. Lệ phí:</b> Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất:</p> <p>* Đối với đối tượng thực hiện TTHC là tổ chức:</p> <p>- Cấp GCN quyền sử dụng đất: 150.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</p> <p>- Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở hoặc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất: 350.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</p> <p>- Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 550.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</p> <p>- Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số</p>	<p>148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;</p> <p>- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số</p>
--	--	--	--	--	---	--	--



						<p>liệu hồ sơ địa chính (nếu có): 30.000 đồng/lần.</p> <p>* Đối với đối tượng thực hiện TTHC là hộ gia đình, cá nhân:</p> <p>+ Đất tại khu vực phường: 35.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</p> <p>+ Đất tại khu vực thị trấn: 25.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</p> <p>+ Đất tại khu vực xã: 12.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</p> <p>+ Trường hợp nếu có trích lục thửa đất: 15.000 đồng/lần.</p> <p>* <b>Lưu ý:</b> Miễn Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất cho đối tượng là người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ</p>	<p>44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu;</p> <p>- Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.</p>
--	--	--	--	--	--	---	---

						nghèo; người khuyết tật.	
31	1.002962.000.00.00.H04	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	- Trực tiếp; - Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.	- Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định. Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.	- <b>Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao:</b> Nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu. - <b>Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại</b>	<b>1. Phí:</b> Thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: *. Đối với đối tượng thực hiện TTHC là tổ chức: • Diện tích dưới 500 m <sup>2</sup> : 350.000 đồng/hồ sơ/01 thửa. • Diện tích từ 500 m <sup>2</sup> đến dưới 1.000 m <sup>2</sup> : 450.000 đồng/hồ sơ/01 thửa. • Diện tích từ 1.000 m <sup>2</sup> đến dưới 3.000 m <sup>2</sup> : 550.000 đồng/hồ sơ/01 thửa. • Diện tích từ 3.000 m <sup>2</sup> đến dưới 5.000 m <sup>2</sup> : 650.000 đồng/hồ sơ/01 thửa. • Diện tích từ 5.000 m <sup>2</sup> đến dưới 10.000 m <sup>2</sup> : 750.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.	- Luật đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ



				<p>- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.</p>	<p><b>Việt Nam:</b> Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã nếu có nhu cầu.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Diện tích từ 10.000 m<sup>2</sup> trở lên: 850.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> <li>* Đối với đối tượng thực hiện TTHC là hộ gia đình, cá nhân: 85.000 đồng/hồ sơ/01 thửa</li> <li><b>2. Lệ phí:</b> Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất:             <ul style="list-style-type: none"> <li>* Đối với đối tượng thực hiện TTHC là tổ chức: 250.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> <li>- Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính (nếu có): 30.000 đồng/lần.</li> <li>* Đối với đối tượng thực hiện TTHC là hộ gia đình, cá nhân:                 <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đất tại khu vực phường: 70.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> <li>+ Đất tại khu vực thị trấn: 50.000 đồng/hồ</li> </ul> </li> </ul> </li> </ul>	<p>sơ địa chính;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;</li> <li>- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi</li> </ul>
--	--	--	--	--	---	---	---

						<p>sơ/01 thửa.</p> <p>+ Đất tại khu vực xã: 25.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</p> <p>+ Trường hợp nếu có trích lục thửa đất: 15.000 đồng/lần.</p> <p>* <b>Lưu ý:</b> Miễn Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất cho đối tượng là người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p>	<p>hành Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu;</p> <p>- Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.</p>
32	2.000976.000.00.00.H04	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp	<p>- Trực tiếp;</p> <p>- Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.</p>	<p>- Không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ</p>	<p>- <b>Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ</b></p>	<p><b>1. Phí:</b> Thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:</p> <p>*. Đối với đối tượng thực hiện TTHC là tổ chức: 350.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</p> <p>* Đối với đối tượng</p>	<p>- Luật đất đai năm 2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số</p>



				<p>tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định. Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</p> <p>- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.</p>	<p>chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: Nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu.</p> <p>- <b>Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam:</b> Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã nếu có nhu cầu.</p>	<p>thực hiện TTHC là hộ gia đình, cá nhân: 85.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</p> <p><b>2. Lệ phí:</b> Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất</p> <p>*. Đối với đối tượng thực hiện TTHC là tổ chức: 50.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</p> <p>*. Đối với đối tượng thực hiện TTHC là hộ gia đình, cá nhân:</p> <p>+ Đất tại khu vực phường: 70.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</p> <p>+ Đất tại khu vực thị trấn: 50.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</p> <p>+ Đất tại khu vực xã: 25.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</p> <p>+ Trường hợp nếu có trích lục thửa đất: 15.000 đồng/lần.</p> <p>* <b>Lưu ý:</b> Miễn Phí thẩm định hồ sơ cấp</p>	<p>01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;</p> <p>- Thông tư số</p>
--	--	--	--	--	---	--	--

					<p>giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất cho đối tượng là người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p>	<p>02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;</li> <li>- Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu;</li> <li>- Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày</li> </ul>
--	--	--	--	--	---	--



							30/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.
33	1.002273. 000.00.00 .H04	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở	- Trực tiếp; - Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.	- Không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định. Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện	- Chủ đầu tư dự án phát triển nhà ở, Chủ đầu tư hoặc người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng của Chủ đầu tư dự án phát triển nhà ở: Nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu. - Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư: Nộp hồ sơ tại	1. Phí: Thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất + Các dự án đầu tư xây dựng nhà ở để bán hoặc cho thuê: 350.000 đồng/hồ sơ/01 thửa. + Các dự án nhà ở xã hội: 240.000 đồng/hồ sơ/01 thửa. 2. Lệ phí: Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất + Đất tại khu vực phường: 70.000 đồng/hồ sơ/01 thửa. + Đất tại khu vực thị trấn: 35.000 đồng/hồ	- Luật đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật kinh doanh Bất động sản;

				<p>kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</p> <p>- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.</p>	<p>Trung tâm hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã nếu có nhu cầu.</p>	<p>sơ/01 thửa.</p> <p>+ Đất tại khu vực xã: 15.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</p> <p>+ Trường hợp có trích lục thửa đất: 30.000 đồng/lần.</p> <p>* <b>Lưu ý:</b> Miễn Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất cho đối tượng là người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p>	<p>- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;</p> <p>- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi</p>
--	--	--	--	--	--	---	--



							tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; - Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu; - Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.
34	1.002993.000.00.00.H04	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền	- Trực tiếp; - Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.	- Không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử	- Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước	1. <b>Phí:</b> Thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất *. Đối với đối tượng thực hiện TTHC là tổ chức: + Các dự án đầu tư xây dựng nhà ở để bán hoặc cho thuê:	- Luật đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày

		<p>sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định</p>	<p>dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định. Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</p> <p>- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.</p>	<p>ngoài có chức năng ngoại giao: Nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu.</p> <p>- <b>Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam:</b> Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã nếu có nhu cầu.</p>	<p>350.000 đồng/hồ sơ/01 thửa</p> <p>+ Các dự án nhà ở xã hội: 240.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</p> <p>*. Đối với đối tượng thực hiện TTHC là hộ gia đình, cá nhân:</p> <p>+ Đối với đất sản xuất, kinh doanh:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Trường hợp cấp mới GCN: 85.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> <li>• Trường hợp chứng nhận biến động: 68.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> </ul> <p>+ Đối với đất sử dụng làm nhà ở:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Trường hợp cấp mới GCN: 76.500 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> <li>• Trường hợp chứng nhận biến động: 61.200 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> </ul> <p><b>2. Lệ phí:</b> Cấp giấy chứng nhận quyền sử</p>	<p>06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;</p> <p>- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT</p>
--	--	---	---	---	---	--



						<p>dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất</p> <p>*. Đối với đối tượng thực hiện TTHC là tổ chức:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 550.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> <li>- Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai: 50.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> <li>- Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính (nếu có): 30.000 đồng/lần.</li> </ul> <p>*. Đối với đối tượng thực hiện TTHC là hộ gia đình, cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trường hợp cấp mới GCN: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Đất tại khu vực phường: 35.000 đồng/hồ sơ/01 thửa</li> </ul> </li> </ul>	<p>ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;</li> <li>- Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu;</li> <li>- Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của Ủy ban</li> </ul>
--	--	--	--	--	--	---	--

					<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đất tại khu vực thị trấn: 25.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> <li>• Đất tại khu vực xã: 12.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> </ul> <p>+ Trường hợp chứng nhận biến động:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Đất tại khu vực phường, thị trấn: 30.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> <li>• Đất tại khu vực xã: 15.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> </ul> <p>+ Trường hợp nếu có trích lục thửa đất: 15.000 đồng/lần.</p> <p>* <u>Lưu ý</u>: Miễn Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất cho đối tượng là người thuộc gia đình có công</p>	<p>nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.</p>
--	--	--	--	--	---	---



						với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	
35	2.000889. 000.00.00 .H04	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích	- Trực tiếp; - Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.	- Thời gian thực hiện thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất là không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; - Thời gian thực hiện thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong trường hợp cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất là không quá 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; - Thời gian thực hiện thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn	- Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: Nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu. - Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại	1. <b>Phí:</b> Thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất *. Đối với đối tượng thực hiện TTHC là tổ chức: + Trường hợp cấp mới GCN: 350.000 đồng/hồ sơ/01 thửa. + Trường hợp không cấp mới GCN: 300.000 đồng/hồ sơ/01 thửa. *. Đối với đối tượng thực hiện TTHC là hộ gia đình, cá nhân: + Đối với đất sản xuất, kinh doanh • Trường hợp cấp mới GCN: 85.000 đồng/hồ sơ/01 thửa. • Trường hợp chứng nhận biến động: 68.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.	- Luật đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ



		do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận	liên với đất trong trường hợp chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng là không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định. Đối với các xã vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng	<b>Việt Nam:</b> Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã nếu có nhu cầu.	+ Đối với đất sử dụng làm nhà ở: • Trường hợp cấp mới GCN: 76.500 đồng/hồ sơ/01 thửa. • Trường hợp chứng nhận biến động: 61.200 đồng/hồ sơ/01 thửa. <b>2. Lệ phí:</b> Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất *. Đối với đối tượng thực hiện TTHC là tổ chức: + Cấp GCN quyền sử dụng đất: 150.000 đồng/hồ sơ/01 thửa. - Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 550.000 đồng/hồ sơ/01 thửa. - Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai: 50.000 đồng/hồ sơ/01	sơ địa chính; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017
--	--	--	--	--	---	---



				<p>thêm 10 ngày.</p> <p>- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.</p>		<p>thừa.</p> <p>- Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính (nếu có): 30.000 đồng/lần.</p> <p>*. Đối với đối tượng thực hiện TTHC là hộ gia đình, cá nhân:</p> <p>+ Trường hợp cấp mới GCN:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Đất tại khu vực phường: 35.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> <li>• Đất tại khu vực thị trấn: 25.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> <li>• Đất tại khu vực xã: 12.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> </ul> <p>+ Trường hợp chứng nhận biến động:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Đất tại khu vực phường, thị trấn: 30.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> </ul>	<p>của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu;</p> <p>- Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc</p>
--	--	--	--	---	--	--	--

						<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đất tại khu vực xã: 15.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> <li>+ Trường hợp nếu có trích lục thửa đất: 15.000 đồng/lần.</li> <li>* <b>Lưu ý:</b> Miễn Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất cho đối tượng là người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</li> </ul>	ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.
36	1.001991.000.00.00.H04	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trong đó, 10 ngày cho thủ tục đăng ký biến động về mua, góp vốn tài sản và 20 ngày cho thủ tục thuê đất.</li> <li>Thời gian này không tính thời gian các ngày</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước</li> </ul>	<p><b>1. Phí:</b> Thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất</p> <p>*. Đối với đối tượng thực hiện TTHC là tổ chức:</p> <p>+ Trường hợp cấp mới GCN: 350.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật đất đai năm 2013;</li> <li>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</li> <li>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày</li> </ul>



				<p>nghi, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định.</p> <p>Đối với các xã vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</p> <p>- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.</p>	<p>ngoài có chức năng ngoại giao: Nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu.</p> <p>- <b>Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam:</b> Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã nếu có nhu cầu.</p>	<p>+ Trường hợp không cấp mới GCN: 300.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</p> <p>*. Đối với đối tượng thực hiện TTHC là hộ gia đình, cá nhân:</p> <p>+ Đối với đất sản xuất, kinh doanh</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Trường hợp cấp mới GCN: 85.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> <li>• Trường hợp chứng nhận biến động: 68.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> </ul> <p>+ Đối với đất sử dụng làm nhà ở:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Trường hợp cấp mới GCN: 76.500 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> <li>• Trường hợp chứng nhận biến động: 61.200 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> </ul> <p>2. <b>Lệ phí:</b> Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở</p>	<p>06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;</p> <p>- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;</p> <p>- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT</p>
--	--	--	--	---	---	---	--

					<p>hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất</p> <p>*. Đối với đối tượng thực hiện TTHC là tổ chức:</p> <p>+ Cấp GCN quyền sử dụng đất: 150.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</p> <p>- Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 550.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</p> <p>- Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai: 50.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</p> <p>*. Đối với đối tượng thực hiện TTHC là hộ gia đình, cá nhân:</p> <p>+ Trường hợp cấp mới GCN:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Đất tại khu vực phường: 35.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> <li>• Đất tại khu vực thị trấn: 25.000 đồng/hồ sơ/01</li> </ul>	<p>ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu;</p> <p>- Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.</p>
--	--	--	--	--	---	---



						<p>thừa.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Đất tại khu vực xã: 12.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> </ul> <p>+ Trường hợp chứng nhận biến động:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Đất tại khu vực phường, thị trấn: 30.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> <li>• Đất tại khu vực xã: 15.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> </ul> <p>+ Trường hợp nếu có trích lục thửa đất: 15.000 đồng/lần.</p> <p>* <b>Lưu ý:</b> Miễn Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất cho đối tượng là người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p>	
--	--	--	--	--	--	---	--

37	2.000880. 000.00.00 .H04	<p>Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của</p>	<p>- Trực tiếp; - Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.</p>	<p>- Không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định. Đối với các xã vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày. - Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn</p>	<p>- Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: Nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu. - Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính</p>	<p><b>1. Phí:</b> Thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất *. Đối với đối tượng thực hiện TTHC là tổ chức: + Trường hợp cấp mới GCN: 350.000 đồng/hồ sơ/01 thửa. + Trường hợp không cấp mới GCN: 300.000 đồng/hồ sơ/01 thửa. *. Đối với đối tượng thực hiện TTHC là hộ gia đình, cá nhân: + Đối với đất sản xuất, kinh doanh • Trường hợp cấp mới GCN: 85.000 đồng/hồ sơ/01 thửa. • Trường hợp chứng nhận biến động: 68.000 đồng/hồ sơ/01 thửa. + Đối với đất sử dụng làm nhà ở: • Trường hợp cấp</p>	<p>- Luật đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT</p>
----	--------------------------------	--	--	---	---	--	--



		nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp		không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.	công cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã nếu có nhu cầu.	<p>mới GCN: 76.500 đồng/hồ sơ/01 thửa.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Trường hợp chứng nhận biến động: 61.200 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> </ul> <p><b>2. Lệ phí:</b> Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất</p> <p>*. Đối với đối tượng thực hiện TTHC là tổ chức:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cấp GCN quyền sử dụng đất: 150.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> <li>- Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 550.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> <li>- Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai: 50.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> </ul> <p>* Đối với đối tượng thực hiện TTHC là hộ</p>	<p>ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết</li> </ul>
--	--	--	--	--	--	---	---

					<p>gia đình, cá nhân:</p> <p>+ Trường hợp cấp mới GCN:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Đất tại khu vực phường: 35.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> <li>• Đất tại khu vực thị trấn: 25.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> <li>• Đất tại khu vực xã: 12.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> </ul> <p>+ Trường hợp chứng nhận biến động:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Đất tại khu vực phường, thị trấn: 30.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> <li>• Đất tại khu vực xã: 15.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> </ul> <p>+ Trường hợp nếu có trích lục thửa đất: 15.000 đồng/lần.</p> <p>* <b>Lưu ý:</b> Miễn Phí thẩm định hồ sơ cấp</p>	<p>thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu;</p> <p>- Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí,</p>
--	--	--	--	--	--	--



						giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất cho đối tượng là người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.
38	1.001134.000.00.00.H04	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất	- Trực tiếp; - Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.	- Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định. Đối với các xã vùng sâu,	- Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: Nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu.	1. Phí: Thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất *. Đối với đối tượng thực hiện TTHC là tổ chức: + Trường hợp cấp mới GCN: 350.000 đồng/hồ sơ/01 thửa. + Trường hợp không cấp mới GCN: 300.000 đồng/hồ sơ/01 thửa. *. Đối với đối tượng thực hiện TTHC là hộ gia đình, cá nhân:	- Luật đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày

		có thu tiền sử dụng đất	<p>vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</p> <p>- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.</p>	<p>- Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã nếu có nhu cầu.</p>	<p>+ Đối với đất sản xuất, kinh doanh</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Trường hợp cấp mới GCN: 85.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> <li>• Trường hợp chứng nhận biến động: 68.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> </ul> <p>+ Đối với đất sử dụng làm nhà ở:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Trường hợp cấp mới GCN: 76.500 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> <li>• Trường hợp chứng nhận biến động: 61.200 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> </ul> <p>2. Lệ phí: Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất</p> <p>*. Đối với đối tượng thực hiện TTHC là tổ chức:</p> <p>+ Cấp GCN quyền sử dụng đất: 150.000</p>	<p>18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;</p> <p>- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;</p>
--	--	-------------------------	--	---	--	--



					<p>đồng/hồ sơ/01 thửa.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 550.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> <li>- Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai: 50.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> </ul> <p>*. Đối với đối tượng thực hiện TTHC là hộ gia đình, cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trường hợp cấp mới GCN: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Đất tại khu vực phường: 35.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> <li>• Đất tại khu vực thị trấn: 25.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> <li>• Đất tại khu vực xã: 12.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> </ul> </li> <li>+ Trường hợp chứng nhận biến động:</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu;</li> <li>- Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.</li> </ul>
--	--	--	--	--	---	--

						<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đất tại khu vực phường, thị trấn: 30.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> <li>• Đất tại khu vực xã: 15.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> </ul> <p>+ Trường hợp nếu có trích lục thửa đất: 15.000 đồng/lần.</p> <p>* <b><u>Lưu ý:</u></b> Miễn Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất cho đối tượng là người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p>	
--	--	--	--	--	--	--	--



39	1.005194. 000.00.00 .H04	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất.	<p>- Trực tiếp; - Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.</p>	<p>- Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định. Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</p> <p>- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn</p>	<p>- Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: Nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu.</p> <p>- Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính</p>	<p><b>1. Phí:</b> Thẩm định hồ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất</p> <p>*. Đối với đối tượng thực hiện TTHC là tổ chức: 350.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</p> <p>*. Đối với đối tượng thực hiện TTHC là hộ gia đình, cá nhân: + Đối với đất sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh: 68.000 đồng/hồ sơ/01 thửa. + Đối với đất sử dụng làm nhà ở: 61.200 đồng/hồ sơ/01 thửa.</p> <p><b>2. Lệ phí:</b> Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất</p> <p>*. Đối với đối tượng thực hiện TTHC là tổ chức: + Cấp lại quyền sử dụng: 50.000 đồng/hồ sơ/01 thửa. + Cấp lại quyền sử</p>	<p>- Luật đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT</p>
----	--------------------------------	---	--	---	--	--	--

				không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.	<p>công cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã nếu có nhu cầu.</p>	<p>dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 70.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</p> <p>- Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính (nếu có): 30.000 đồng/lần.</p> <p>*. Đối với đối tượng thực hiện TTHC là hộ gia đình, cá nhân:</p> <p>+ Đất tại khu vực phường: 30.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</p> <p>+ Đất tại khu vực thị trấn: 20.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</p> <p>+ Đất tại khu vực xã: 10.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</p> <p>+ Trường hợp nếu có trích lục thửa đất: 15.000 đồng/lần.</p> <p>* <b>Lưu ý:</b> Miễn Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Lệ phí cấp giấy chứng</p>	<p>ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;</p> <p>- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND</p>
--	--	--	--	--	---	--	--



						<p>nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất cho đối tượng là người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p>	<p>ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu;</p> <p>- Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.</p>
40	1.001045.000.00.00.H04	<p>Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền</p>	<p>- Trực tiếp; - Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.</p>	<p>- Không quá 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử</p>	<p>- Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: Nộp hồ sơ</p>	<p><b>1. Phí:</b> Thẩm định hồ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất</p> <p>*. Đối với đối tượng thực hiện TTHC là tổ chức:</p> <p>+ Trường hợp cấp mới GCN: 350.000 đồng/hồ sơ/01 thửa</p> <p>+ Trường hợp không cấp mới GCN: 300.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</p>	<p>- Luật đất đai năm 2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy</p>

				<p>dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định. Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</p> <p>- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.</p>	<p>tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu.</p> <p>- <b>Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam:</b> Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã nếu có nhu cầu.</p>	<p>*. Đối với đối tượng thực hiện TTHC là hộ gia đình, cá nhân:</p> <p>+ Trường hợp cấp mới GCN: 85.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</p> <p>+ Trường hợp chứng nhận biến động: 68.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</p> <p>2. <b>Lệ phí:</b> Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất</p> <p>*. Đối với đối tượng thực hiện TTHC là tổ chức:</p> <p>+ Cấp GCN quyền sử dụng đất: 150.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</p> <p>+ Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai: 50.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</p> <p>+ Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính (nếu có): 30.000 đồng/lần.</p>	<p>định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;</p> <p>- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết</p>
--	--	--	--	--	--	--	--



					<p>*. Đối với đối tượng thực hiện TTHC là hộ gia đình, cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp cấp mới GCN: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Đất tại khu vực phường: 35.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> <li>• Đất tại khu vực thị trấn: 25.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> <li>• Đất tại khu vực xã: 12.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> </ul> </li> <li>+ Trường hợp chứng nhận biến động: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Đất tại khu vực phường, thị trấn: 30.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> <li>• Đất tại khu vực xã: 15.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> </ul> </li> <li>+ Trường hợp nếu có trích lục thửa đất: 15.000 đồng/lần.</li> </ul>	<p>một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;</li> <li>- Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu;</li> <li>- Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm,</li> </ul>
--	--	--	--	--	---	--

						<p>* <b>Lưu ý:</b> Miễn Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất cho đối tượng là người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p>	quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.
41	1.001009.000.00.00.H04	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất	<p>- Trực tiếp; - Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.</p>	<p>- Không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.</p>	<p>- Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: Nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh</p>	<p><b>1. Phí:</b> Thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất          *. Đối với đối tượng thực hiện TTHC là tổ chức:          + Trường hợp cấp mới GCN: 350.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.          + Trường hợp không cấp mới GCN: 300.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.          *. Đối với đối tượng thực hiện TTHC là hộ</p>	<p>- Luật đất đai năm 2013;          - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;          - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;          - Nghị định số</p>



				<p>Đối với các xã vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</p> <p>- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.</p>	<p>Bạc Liêu.</p> <p>- <b>Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam:</b> Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã nếu có nhu cầu.</p>	<p>gia đình, cá nhân:</p> <p>+ Đối với đất sản xuất, kinh doanh</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Trường hợp cấp mới GCN: 85.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> <li>• Trường hợp chứng nhận biến động: 68.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> </ul> <p>+ Đối với đất sử dụng làm nhà ở:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Trường hợp cấp mới GCN: 76.500 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> <li>• Trường hợp chứng nhận biến động: 61.200 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> </ul> <p><b>2. Lệ phí:</b> Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất</p> <p>*. Đối với đối tượng thực hiện TTHC là tổ chức:</p> <p>+ Trường hợp cấp</p>	<p>148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;</p> <p>- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số</p>
--	--	--	--	---	---	---	--

					<p>mới GCN: 350.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</p> <p>+ Trường hợp không cấp mới GCN: 300.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</p> <p>+ Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính (nếu có): 30.000 đồng/lần.</p> <p>*. Đối với đối tượng thực hiện TTHC là hộ gia đình, cá nhân:</p> <p>+ Trường hợp cấp mới GCN:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Đất tại khu vực phường: 35.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> <li>• Đất tại khu vực thị trấn: 25.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> <li>• Đất tại khu vực xã: 12.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li> </ul> <p>+ Trường hợp chứng nhận biến động:</p>	<p>44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu;</p> <p>- Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.</p>
--	--	--	--	--	---	---



						<ul style="list-style-type: none"><li>• Đất tại khu vực phường, thị trấn: 30.000 đồng/hồ sơ/01 thửa</li><li>• Đất tại khu vực xã: 15.000 đồng/hồ sơ/01 thửa.</li></ul> <p>+ Trường hợp nếu có trích lục thửa đất: 15.000 đồng/lần.</p> <p>* <b>Lưu ý:</b> Miễn Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất cho đối tượng là người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p>	
III	LĨNH VỰC ĐO ĐẠC, BẢN ĐỒ VÀ THÔNG TIN ĐỊA LÝ (01 thủ tục)						

42	1.001923.000.00.00.H04	Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Trực tuyến (Mức độ 3, tại địa chỉ: <a href="https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn">https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn</a>);</li> <li>- Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.</li> </ul>	<p>Ngay trong ngày làm việc hoặc theo thời gian thống nhất với bên yêu cầu cung cấp.</p>	<p>Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu (Số 78, đường Lê Duẩn, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)</p>	<p>1. Phí khai thác và sử dụng các loại bản đồ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản đồ địa chính:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Dạng giấy: 150.000 đồng/ mảnh;</li> <li>+ Dạng số: 250.000 đồng/ mảnh.</li> </ul> </li> <li>- Bản đồ Quy hoạch sử dụng đất:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Dạng giấy: 250.000 đồng/ mảnh;</li> <li>+ Dạng số: 350.000 đồng/ mảnh.</li> </ul> </li> <li>- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Dạng giấy: 250.000 đồng/ mảnh;</li> <li>+ Dạng số: 350.000 đồng/ mảnh.</li> </ul> </li> <li>- Bản đồ chuyên đề:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Dạng giấy: 200.000 đồng/ mảnh;</li> <li>+ Dạng số: 300.000 đồng/ mảnh.</li> </ul> </li> <li>- Các loại Bản đồ khác:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Dạng giấy: 200.000 đồng/ mảnh;</li> <li>+ Dạng số: 300.000 đồng/ mảnh.</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đo đạc và bản đồ ngày 14 tháng 6 năm 2018;</li> <li>- Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ;</li> <li>- Thông tư số 33/2019/TT-BTC ngày 10/6/2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 34/2017/TT-BTC ngày 21/4/2017 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ và Thông tư số 196/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ;</li> </ul>
----	------------------------	--	--	--	--	--	---



						2. Theo Biểu mức thu phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ ban hành kèm theo Thông tư số 33/2019/TT-BTC ngày 10/6/2019 của Bộ Tài chính, kèm theo phụ lục này.	- Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.
<b>IV LĨNH VỰC TỔNG HỢP (01 thủ tục)</b>							
43	1.004237.000.00.00.H04	Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Trực tuyến (Mức độ 3, tại địa chỉ: <a href="https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn">https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn</a>).</li> <li>- Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.</li> </ul>	Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu (Số 78, đường Lê Duẩn, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)	<b>Phí Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu lĩnh vực đất đai:</b> <b>* <u>Đối với tổ chức:</u></b> - Khai thác, sử dụng 01 hồ sơ hoặc tài liệu: 200.000 đồng/hồ sơ, tài liệu; - Trường hợp khai thác và sử dụng một phần hồ sơ, tài liệu: + Đơn xin giao đất hoặc thuê đất: 5.000 đồng/đơn; + Giấy chứng nhận đầu tư: 10.000 đồng/giấy chứng nhận;	- Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; - Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu; - Quyết định số

						<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Quyết định thành lập doanh nghiệp: 10.000 đồng/quyết định;</li> <li>+ Dự án đầu tư hoặc phương án sử dụng đất: 40.000 đồng/dự án hoặc phương án;</li> <li>+ Thông báo giới thiệu địa điểm đất: 10.000 đồng/thông báo;</li> <li>+ Biên bản thẩm tra hồ sơ đất đai: 10.000 đồng/biên bản;</li> <li>+ Quyết định thu hồi đất: 10.000 đồng/quyết định;</li> <li>+ Tờ trình phê duyệt giao đất: 10.000 đồng/tờ trình;</li> <li>+ Sơ đồ giao đất: 10.000 đồng/sơ đồ;</li> <li>+ Hợp đồng cho thuê đất: 10.000 đồng/hợp đồng;</li> <li>+ Phiếu chuyển thông tin địa chính: 5.000 đồng/phiếu;</li> <li>+ Bản sao Giấy chứng</li> </ul>	218/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.
--	--	--	--	--	--	---	--



						<p>nhận quyền sử dụng đất: 5.000 đồng/bản;  + Phương án bồi thường giải phóng mặt bằng: 20.000 đồng/phương án;  + Quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng: 10.000 đồng/quyết định;  + Hợp đồng chuyển nhượng góp vốn: 15.000 đồng/hợp đồng;  + Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất: 10.000 đồng/quyết định;  + Biên lai nộp tiền: 5.000 đồng/biên lai;  + Tờ khai nộp tiền: 5.000 đồng/tờ khai;  + Giấy xác nhận tình trạng hồ sơ: 10.000 đồng/giấy;  + Khác: 10.000 đồng/tờ.  * <b><u>Đối với cá nhân:</u></b></p>	
--	--	--	--	--	--	--	--

						<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khai thác, sử dụng 01 hồ sơ hoặc tài liệu: 100.000 đồng/hồ sơ, tài liệu;</li> <li>- Trường hợp khai thác, sử dụng 01 phần hồ sơ, tài liệu: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Quyết định giao đất, thu hồi đất: 10.000 đồng/quyết định;</li> <li>+ Quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 10.000 đồng/ quyết định;</li> <li>+ Tờ trình: 10.000 đồng/tờ trình;</li> <li>+ Sơ đồ: 10.000 đồng/sơ đồ;</li> <li>+ Biên bản: 10.000 đồng/biên bản;</li> <li>+ Hợp đồng chuyển nhượng: 10.000 đồng/hợp đồng;</li> <li>+ Đơn xin giao đất: 5.000 đồng/đơn;</li> <li>+ Biên lai nộp tiền: 5.000 đồng/biên lai;</li> <li>+ Tờ khai nộp tiền: 5.000 đồng/tờ khai;</li> </ul> </li> </ul>	
--	--	--	--	--	--	--	--



						+ Giấy xác nhận tình trạng hồ sơ: 10.000 đồng/giấy; + Khác: 10.000 đồng/tờ. - Căn cứ pháp lý: Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh thay thế Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 27/9/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.	
V	<b>LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG (12 thủ tục)</b>						
44	1.004148.000.00.00.H04	Đăng ký/dăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường	- Trực tiếp; - Trực tuyến (Mức độ 3, tại địa chỉ: <a href="https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn">https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn</a> );	Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (Đường Nguyễn Văn Linh, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)	Không thu phí, lệ phí	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

			- Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.				
45	1.004249.000.00.00.H04	Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường/ Thẩm định, phê duyệt lại báo cáo đánh giá tác động môi trường	<p>- Trực tiếp;</p> <p>- Trực tuyến (Mức độ 3, tại địa chỉ: <a href="https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn">https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn</a>);</p> <p>- Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.</p>	<p>- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:</p> <p>+ Tối đa là 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án thuộc Phụ lục IIa Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.</p> <p>+ Tối đa là 25 (hai mươi lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp thẩm định báo cáo đánh giá tác</p>	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (Đường Nguyễn Văn Linh, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)	Mức thu phí thẩm định theo quy định tại Biểu thu phí bảo vệ môi trường quy định tại Quyết định số 218/QĐ-UBND, kèm theo phụ lục này.	<p>- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;</p> <p>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>- Thông tư số 56/2018/TT-BTC ngày 25/6/2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi</p>



			<p>động môi trường của các dự án thuộc Phụ lục III nhưng không thuộc Phụ lục IIa Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.</p> <p>+ Tối đa là 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đối với hình thức thẩm định thông qua việc lấy ý kiến cơ quan, tổ chức liên quan đối với các báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 40/2019/NĐ-CP bao gồm các dự án thuộc đối tượng phải lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường.</p> <p>- Thời hạn phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường: tối đa là 20 (hai mươi) ngày làm việc.</p>			<p>trường do cơ quan trung ương thực hiện thẩm định;</p> <p>- Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu;</p> <p>- Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.</p>
--	--	--	---	--	--	--

46	1.004240.000.00.00.H04	<p>Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP sửa đổi bổ sung bởi khoản 1 điều 2 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Trực tuyến (Mức độ 3, tại địa chỉ: <a href="https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn">https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn</a>);</li> <li>- Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: 05 (năm) ngày làm việc.</li> <li>- Thời hạn thẩm định hồ sơ và ra Quyết định phê duyệt: Trong thời hạn 35 (ba mươi lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.</li> </ul>	<p>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (Đường Nguyễn Văn Linh, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)</p>	<p>Mức thu phí thẩm định theo quy định tại Biểu thu phí bảo vệ môi trường quy định tại Quyết định số 218/QĐ-UBND, kèm theo phụ lục này.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;</li> <li>- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;</li> <li>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</li> <li>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</li> <li>- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của</li> </ul>
----	------------------------	---	--	--	---	---	--



							Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
47	1.004141.000.00.00.H04	Chấp thuận về môi trường đối với đề nghị điều chỉnh, thay đổi nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Trực tuyến (Mức độ 4, tại địa chỉ: <a href="https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn">https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn</a>);</li> <li>- Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: 05 (năm) ngày.</li> <li>- Thời hạn thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: Tối đa là 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.</li> </ul>	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (Đường Nguyễn Văn Linh, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)	Không thu phí, lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;</li> <li>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</li> </ul>
48	1.004356.000.00.00.H04	Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.</li> <li>- Thời hạn kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường: là 15 (mười lăm) ngày</li> </ul>	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (Đường Nguyễn Văn Linh, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)	Không thu phí, lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;</li> <li>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</li> </ul>

		dự án		làm việc, không bao gồm thời gian chủ dự án hoàn thiện hồ sơ và thời gian phân tích mẫu chất thải (lấy mẫu tổ hợp trong trường hợp cần thiết).			
49	1.004258.000.00.00.H04	Xác nhận hoàn thành từng phần phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản	- Trực tiếp; - Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.	- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: không quy định. - Thời hạn cấp giấy xác nhận: Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (Đường Nguyễn Văn Linh, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)	Không thu phí, lệ phí	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; - Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.



50	1.004246.000.00.00.H04	Cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Trực tuyến (Mức độ 4, tại địa chỉ: <a href="https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn">https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn</a>);</li> <li>- Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn kiểm tra và trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký.</li> <li>- Thời hạn xem xét cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH sau khi nhận được hồ sơ hợp lệ, đầy đủ:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ 15 ngày làm việc;</li> <li>+ 30 ngày làm việc trong trường hợp đăng ký chủ nguồn thải CTNH thuộc đối tượng tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH trong khuôn viên cơ sở phát sinh CTNH, trong đó thời gian Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành kiểm tra cơ sở trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (Thời gian kiểm tra đối với một cơ sở không quá 02</li> </ul> </li> </ul>	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (Đường Nguyễn Văn Linh, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)	Không thu phí, lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</li> <li>- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</li> </ul>
----	------------------------	--	--	--	--	-----------------------	--

				ngày làm việc) và 15 ngày còn lại có trách nhiệm cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH			
51	1.005741.000.00.00.H04	Vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Trực tuyến (Mức độ 3, tại địa chỉ: <a href="https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn">https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn</a>);</li> <li>- Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.</li> <li>- Thời hạn kiểm tra các công trình xử lý chất thải của dự án: 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm.</li> <li>- Thời hạn có văn bản thông báo kết quả kiểm tra các công trình xử lý chất thải để chủ dự án vận hành thử nghiệm: 05 ngày làm việc.</li> </ul>	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (Đường Nguyễn Văn Linh, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)	Không thu phí, lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;</li> <li>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</li> </ul>



52	2.002205. 000.00.00 .H04 (Bộ TNMT đã hủy công khai, tuy nhiên ccpl quy định TTHC vẫn còn hiệu lực)	Tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Trực tuyến (Mức độ 3, tại địa chỉ: <a href="https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn">https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn</a>);</li> <li>- Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn kiểm tra, trả lại hồ sơ: không quy định.</li> <li>- Thời hạn xử lý hồ sơ: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc.</li> <li>- Thời hạn cho kết quả xử lý: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc.</li> </ul>	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (Đường Nguyễn Văn Linh, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)	Không thu phí, lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;</li> <li>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</li> </ul>
53	1.004621. 000.00.00 .H04	Cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Trực tuyến (Mức độ 4, tại địa chỉ: <a href="https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn">https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn</a>);</li> <li>- Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn kiểm tra và trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký.</li> <li>- Thời hạn xem xét cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH sau khi nhận được hồ sơ hợp lệ, đầy đủ:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ 15 ngày làm việc;</li> <li>+ 30 ngày làm việc trong trường hợp đăng ký chủ nguồn thải CTNH thuộc đối tượng tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử</li> </ul> </li> </ul>	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (Đường Nguyễn Văn Linh, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)	Không thu phí, lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</li> <li>- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</li> </ul>

				lý, thu hồi năng lượng từ CTNH trong khuôn viên cơ sở phát sinh CTNH, trong đó thời gian Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành kiểm tra cơ sở trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ ( <i>Thời gian kiểm tra đối với một cơ sở không quá 02 ngày làm việc</i> ) và 15 ngày còn lại kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra cơ sở có trách nhiệm cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH			
54	1.008675.000.00.00.H04	Cấp Giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Trực tuyến (Mức độ 3, tại địa chỉ: <a href="https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn">https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn</a>);</li> <li>- Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Thời hạn trả lời tính hợp lệ của hồ sơ</i>: trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân về việc chấp nhận hồ sơ hoặc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định; việc yêu cầu</li> </ul>	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu ( <i>Đường Nguyễn Văn Linh, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu</i> )	Không thu phí, lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đa dạng sinh học năm 2008;</li> <li>- Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy, cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.</li> </ul>



			công ích.	<p>tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ chỉ được thực hiện một (01) lần và thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ;</p> <p>- Thời hạn thẩm định, ban hành quyết định cấp phép: trong thời hạn 30 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiến hành thẩm định và cấp Giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê mẫu vật của loài hoang dã thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ cho tổ chức, cá nhân đề nghị.</p>			
55	1.008682.000.00.00.H04	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	<p>- Trực tiếp;</p> <p>- Trực tuyến (Mức độ 3, tại địa chỉ: <a href="https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn">https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn</a>);</p> <p>- Qua Hệ</p>	<p>Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm quyết định cấp hoặc từ chối cấp giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học.</p>	<p>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (Đường Nguyễn Văn Linh, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)</p>	Không thu phí, lệ phí	<p>- Luật Đa dạng sinh học năm 2008;</p> <p>- Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đa dạng</p>

			thông dịch vụ bưu chính công ích.				sinh học.
VI	LĨNH VỰC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN (03 thủ tục)						
56	1.000987. 000.00.00. H04	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Trực tuyến (Mức độ 3, tại địa chỉ: <a href="https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn">https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn</a>);</li> <li>- Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 02 (hai) ngày làm việc.</li> <li>- Thời hạn tiến hành thẩm định, thẩm tra, khảo sát, đánh giá, kết luận Cấp phép: 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.</li> </ul>	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (Đường Nguyễn Văn Linh, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)	Không thu phí, lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật khí tượng thủy văn năm 2015;</li> <li>- Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khí tượng thủy văn;</li> <li>- Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15/4/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn;</li> <li>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện</li> </ul>



							đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.
57	1.000970.000.00.00.H04	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Trực tuyến (Mức độ 3, tại địa chỉ: <a href="https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn">https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn</a>);</li> <li>- Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 02 (hai) ngày làm việc.</li> <li>- Thời hạn tiến hành thẩm định, thẩm tra, khảo sát, đánh giá, kết luận Cấp phép: 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.</li> </ul>	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (Đường Nguyễn Văn Linh, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)	Không thu phí, lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật khí tượng thủy văn năm 2015;</li> <li>- Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khí tượng thủy văn;</li> <li>- Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15/4/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn;</li> <li>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.</li> </ul>

58	1.000943. 000.00.00 .H04	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Trực tuyến (Mức độ 4, tại địa chỉ: <a href="https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn">https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn</a>);</li> <li>- Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.</li> </ul>	Thời hạn tiến hành thẩm định, thẩm tra, khảo sát, đánh giá, kết luận Cấp phép: 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu ( <i>Đường Nguyễn Văn Linh, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu</i> )	Không thu phí, lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật khí tượng thủy văn năm 2015;</li> <li>- Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khí tượng thủy văn;</li> <li>- Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15/4/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2016/NĐ- CP ngày 15/5/2016 quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn;</li> <li>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.</li> </ul>
----	--------------------------------	---	--	--	--	-----------------------	---



VII	LĨNH VỰC KHOÁNG SẢN (18 thủ tục)						
59	1.004132. 000.00.00 .H04	Đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Trực tuyến (Mức độ 3, tại địa chỉ: <a href="https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn">https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn</a>);</li> <li>- Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 05 ngày.</li> <li>- Thời hạn thẩm định hồ sơ: không quá 35 ngày.</li> <li>+ Trong thời gian không quá 10 ngày, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác khoáng sản và kiểm tra tại thực địa;</li> <li>+ Trong thời gian không quá 25 ngày, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc khai thác khoáng sản và xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.</li> <li>- Thời hạn cấp Giấy phép khai thác khoáng</li> </ul>	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (Đường Nguyễn Văn Linh, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)	Không thu phí, lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật khoáng sản năm 2010;</li> <li>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;</li> <li>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản.</li> </ul>

				<p>sản: không quá 12 ngày</p> <p>+ Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày hoàn thành công việc thẩm định hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ đăng ký cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố nơi có dự án xây dựng công trình/ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch;</p> <p>+ Trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố hoàn thành việc đăng ký. Trong trường hợp không đăng ký thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:</p> <p>Trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ từ cơ quan có thẩm quyền, cơ quan tiếp nhận hồ sơ</p>			
--	--	--	--	--	--	--	--



				thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị đăng ký khối lượng khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định. Thời gian nêu trên không kể thời gian tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản làm thủ tục nộp tiền cấp quyền khai thác.			
60	1.004083.000.00.00.H04	Chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản	- Trực tiếp; - Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.	Không quá 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (Đường Nguyễn Văn Linh, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)	Không thu phí, lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật khoáng sản năm 2010;</li> <li>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 /11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;</li> <li>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả</li> </ul>

							hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản.
61	1.004446.000.00.00.H04	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Trực tuyến (Mức độ 3, tại địa chỉ: <a href="https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn">https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn</a>);</li> <li>- Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 05 ngày.</li> <li>- Thời hạn thẩm định hồ sơ:</li> </ul> <p><b>+ Đối với hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản:</b></p> <p>Trong thời gian không quá 25 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác khoáng sản và kiểm tra thực địa;</p> <p>* Trong thời gian không quá 06 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác</p>	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (Đường Nguyễn Văn Linh, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)	<p>Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể:</p> <p>- Đối với Giấy phép khai thác khoáng sản và Giấy phép khai thác khoáng sản ở</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật khoáng sản năm 2010;</li> <li>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;</li> <li>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động</li> </ul>



				<p>khoáng sản và kiểm tra thực địa, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản xin ý kiến đến các cơ quan có liên quan về việc cấp Giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định;</p> <p>* Trong thời gian không quá 20 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan. Sau thời hạn nêu trên mà không có văn bản trả lời thì được coi như cơ quan được lấy ý kiến đã đồng ý. Thời gian lấy ý kiến đến các cơ quan có liên quan không tính vào thời gian thẩm định.</p> <p>* Trong thời gian không quá 40 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu,</p>	<p><b>khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình:</b></p> <p>1. Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối</p> <p>a. Có công suất khai thác dưới 5.000 m<sup>3</sup>/năm: 1.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>b. Có công suất khai thác từ 5.000 m<sup>3</sup> đến 10.000 m<sup>3</sup>/năm: 10.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>c. Có công suất khai thác trên 10.000 m<sup>3</sup>/năm: 15.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>2. Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp</p> <p>a. Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác</p>	<p>khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;</p> <p>- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản;</p> <p>- Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.</p>
--	--	--	--	--	---	---

			<p>hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc khai thác khoáng sản và xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.</p> <p><b>+ Đối với hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản: không quá 20 ngày.</b></p> <p>Trong thời hạn không quá 20 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản.</p> <p><b>+ Đối với hồ sơ khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình: không quá 45 ngày</b></p> <p>* Trong thời gian không quá 10 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hoàn</p>	<p>dưới 100.000 m<sup>3</sup>/năm: 15.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>b. Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m<sup>3</sup>/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m<sup>3</sup>/năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này: 20.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>c. Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công</p>	
--	--	--	---	--	--



			<p>thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác khoáng sản và kiểm tra thực địa;</p> <p>* Trong thời gian không quá 35 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc khai thác khoáng sản và xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.</p> <p>- Thời hạn cấp giấy phép:</p> <p><b>+ Đối với Giấy phép khai thác khoáng sản: không quá 12 ngày.</b></p> <p>* Trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cấp hoặc không cấp Giấy phép khai thác khoáng sản. Trong trường hợp</p>	<p>suất khai thác từ 100.000 m<sup>3</sup>/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này: 30.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>3. Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng: 40.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>4. Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, 2, 3, 6, 7 của Biểu mức thu này</p> <p>a. Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp: 40.000.000 đồng/giấy phép.</p>	
--	--	--	---	---	--

			<p>không cấp phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>÷ <b>Đối với Quyết định điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản: không quá 12 ngày</b></p> <p>* Trong thời gian không quá 05 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân tỉnh;</p> <p>* Trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc điều chỉnh hoặc không điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản. Trong trường hợp không cấp phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do</p> <p>– Đối với giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình:</p>		<p>b. Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp: 50.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>5. Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, 3, 6 của Biểu mức thu này: 60.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>6. Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm: 80.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>7. Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại: 100.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>- Đối với Quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản: không mất phí, lệ phí</p>	
--	--	--	---	--	--	--



không quá 12 ngày

\* Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày hoàn thành công việc thẩm định hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cấp phép cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

\* Trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cấp hoặc không cấp Giấy phép khai thác khoáng sản. Trong trường hợp không cấp phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:

+ Đối với giấy phép khai thác khoáng sản: trong thời gian không quá 07 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ từ cơ quan có thẩm quyền cấp

				<p>phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả. Thời gian nêu trên không kể thời gian tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản làm thủ tục nộp tiền cấp quyền khai thác lần đầu.</p> <p>– Đối với Quyết định điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản: trong thời gian không quá 03 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ từ cơ quan có thẩm quyền, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả.</p> <p>+ Đối với giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình: trong thời gian không quá 10 ngày, kể từ khi nhận</p>			
--	--	--	--	--	--	--	--



				được hồ sơ từ cơ quan có thẩm quyền, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả.			
62	1.004434. 000.00.00 .H04	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản là 30 ngày, kể từ ngày kết thúc thông báo thông tin về phiên đấu giá.</li> <li>- Trong thời gian không quá 30 ngày, kể từ ngày hết hạn tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành phương án xét chọn hồ sơ của tổ chức, cá nhân đề nghị tham gia phiên đấu giá và báo cáo Chủ tịch Hội đồng đấu giá hoặc chuyển hồ sơ đấu giá của tổ chức, cá nhân được xét chọn tham gia đấu giá cho tổ chức đấu giá</li> </ul>	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (Đường Nguyễn Văn Linh, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)	Mức thu phí tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;</li> <li>- Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;</li> <li>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;</li> <li>- Thông tư số 16/2014/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy</li> </ul>

			<p>chuyên nghiệp (trường hợp đấu giá thông qua tổ chức đấu giá chuyên nghiệp) để thực hiện đấu giá theo quy định.</p> <p>- Trong thời gian không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả xét chọn hồ sơ tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Chủ tịch Hội đồng đấu giá hoặc tổ chức đấu giá chuyên nghiệp phải tổ chức phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản.</p> <p>- Thời gian nộp tiền đặt trước được thông báo trong hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản trước khi tổ chức phiên đấu giá ít nhất là 07 ngày.</p> <p>- Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường</p>		<p>chế hoạt động của Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản;</p> <p>- Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.</p>
--	--	--	---	--	--



				<p>phải trình Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá.</p> <p>- Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá, Ủy ban nhân dân tỉnh phải ban hành văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá.</p> <p>- Thời gian thông báo và đăng tải công khai kết quả trúng đấu giá là 05 ngày, kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá.</p>			
63	1.004433.000.00.00.H04	<p>Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt</p>	<p>- Trực tiếp;</p> <p>- Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.</p>	<p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản là 30 ngày, kể từ ngày kết thúc thông báo thông tin về phiên đấu giá.</p> <p>- Trong thời gian không quá 30 ngày, kể từ ngày hết hạn tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành</p>	<p>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (Đường Nguyễn Văn Linh, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)</p>	<p>Mức thu phí tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định.</p>	<p>- Luật khoáng sản năm 2010;</p> <p>- Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;</p> <p>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều</p>

				<p>phương án xét chọn hồ sơ của tổ chức, cá nhân đề nghị tham gia phiên đấu giá và báo cáo Chủ tịch Hội đồng đấu giá hoặc chuyển hồ sơ đấu giá của tổ chức, cá nhân được xét chọn tham gia đấu giá cho tổ chức đấu giá chuyên nghiệp (trường hợp đấu giá thông qua tổ chức đấu giá chuyên nghiệp) để thực hiện đấu giá theo quy định.</p> <p>- Trong thời gian không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả xét chọn hồ sơ tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Chủ tịch Hội đồng đấu giá hoặc tổ chức đấu giá chuyên nghiệp phải tổ chức phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản.</p> <p>- Thời gian nộp tiền đặt trước được thông báo trong hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng</p>			<p>của Luật khoáng sản;</p> <p>- Thông tư số 16/2014/TT-BTNMT ngày 14/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản;</p> <p>- Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.</p>
--	--	--	--	--	--	--	---



				<p>sản trước khi tổ chức phiên đấu giá ít nhất là 07 ngày.</p> <p>- Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường phải trình Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá.</p> <p>- Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá, Ủy ban nhân dân tỉnh phải ban hành văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá.</p> <p>- Thời gian thông báo và đăng tải công khai kết quả trúng đấu giá là 05 ngày, kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá.</p>			
--	--	--	--	---	--	--	--

64	1.000778. 000.00.00 .H04	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Trực tuyến (Mức độ 3, tại địa chỉ: <a href="https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn">https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn</a>);</li> <li>- Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 05 ngày</li> <li>- Thời hạn thẩm định hồ sơ: không quá 55 ngày</li> <li>+ Trong thời gian không quá 40 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ gửi đề án thăm dò để lấy ý kiến góp ý của một số chuyên gia thuộc lĩnh vực chuyên sâu và tổ chức thẩm định nội dung đề án thăm dò khoáng sản. Thời gian trả lời ý kiến của chuyên gia không quá 10 ngày, kể từ khi nhận được đề nghị của cơ quan tiếp nhận hồ sơ.</li> </ul> <p>Trường hợp nội dung đề án thăm dò khoáng sản phức tạp, cơ quan tiếp nhận hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng kỹ thuật để thẩm định đề án. Thời gian quyết định việc thành lập, họp Hội đồng kỹ thuật được tính vào</p>	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (Đường Nguyễn Văn Linh, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)	<p>Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha), mức thu là 4.000.000 đồng/01 giấy phép;</li> <li>- Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 10.000.000 đồng/01 giấy phép;</li> <li>- Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khoáng sản năm 2010;</li> <li>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;</li> <li>- Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;</li> <li>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</li> <li>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa</li> </ul>
----	--------------------------------	--	--	--	--	---	---



			<p>thời gian tổ chức thẩm định đề án thăm dò khoáng sản.</p> <p>+ Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến góp ý của các chuyên gia, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm tổng hợp các ý kiến và gửi kèm theo hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>+ Trong thời gian không quá 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản kèm theo ý kiến góp ý của các chuyên gia, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc thông qua nội dung đề án thăm dò khoáng sản để cấp phép hoặc thành lập Hội đồng thẩm định trong trường hợp cần thiết.</p> <p>Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa đề án thăm dò khoáng sản theo</p>		<p>mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;</p> <p>- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản;</p>
--	--	--	--	--	--

			<p>ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc ý kiến của Hội đồng thẩm định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ gửi văn bản thông báo nêu rõ lý do chưa thông qua đề án hoặc những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đề án thăm dò khoáng sản.</p> <p>Thời gian tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép thăm dò bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án thăm dò khoáng sản không tính vào thời gian thẩm định đề án thăm dò khoáng sản.</p> <p>- Thời hạn cấp Giấy phép thăm dò:</p> <p>+ Trong thời hạn không quá 21 ngày kể từ ngày tổ chức, cá nhân nộp lại hồ sơ đã hoàn chỉnh theo thông báo của Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả thẩm định hồ sơ, đề án, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh</p>		<p>- Thông tư số 53/2013/TT-BTNMT ngày 30/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tổ chức và hoạt động của Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản;</p> <p>- Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.</p>
--	--	--	---	--	---



			<p>và trình hồ sơ cấp phép thăm dò cho Ủy ban nhân dân tỉnh.</p> <p>+ Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cấp hoặc không cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản. Trong trường hợp không cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:</p> <p>Trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản để nhận kết quả.</p>			
--	--	--	---	--	--	--

65	1.004481. 000.00.00 .H04	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Trực tuyến (Mức độ 3, tại địa chỉ: <a href="https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn">https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn</a>);</li> <li>- Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời gian không quá 05 ngày.</li> <li>- Thời hạn thẩm định hồ sơ: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị gia hạn.</li> <li>+ Trong thời hạn không quá 30 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến gia hạn.</li> </ul> </li> <li>- Thời hạn giải quyết gia hạn Giấy phép thăm dò: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trong thời hạn không quá 02 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</li> </ul> </li> </ul>	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (Đường Nguyễn Văn Linh, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)	<p>Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha), mức thu là 2.000.000 đồng/01 giấy phép;</li> <li>- Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép;</li> <li>- Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật khoáng sản năm 2010;</li> <li>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;</li> <li>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;</li> <li>- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính</li> </ul>
----	--------------------------------	--	--	---	--	---	---



				<p>+ Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc cho phép hoặc không cho phép gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản.</p> <p>Trong trường hợp không cho phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:</p> <p>Trong thời gian không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản để nhận kết quả.</p>			<p>quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.</p>
--	--	--	--	--	--	--	--

66	2.001814.000.00.00.H04	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Trực tuyến (Mức độ 3, tại địa chỉ: <a href="https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn">https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn</a>);</li> <li>- Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 05 ngày.</li> <li>- Thời thẩm định hồ sơ:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò.</li> <li>+ Trong thời hạn không quá 30 ngày, phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến chuyển nhượng quyền thăm dò.</li> </ul> </li> <li>- Thời hạn giải quyết chuyển nhượng quyền thăm dò Giấy phép thăm dò:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trong thời hạn không quá 02 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân tỉnh.</li> <li>+ Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ</li> </ul> </li> </ul>	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (Đường Nguyễn Văn Linh, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)	<p>Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha), mức thu là 2.000.000 đồng/01 giấy phép;</li> <li>- Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép;</li> <li>- Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật khoáng sản năm 2010;</li> <li>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;</li> <li>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.</li> <li>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động</li> </ul>
----	------------------------	--	--	--	--	---	---



				<p>của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho phép chuyển nhượng quyền thăm dò.</p> <p>Trong trường hợp không cấp chuyển nhượng quyền thăm dò Giấy phép thăm dò khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:</p> <p>Trong thời hạn không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép.</p>			<p>khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;</p> <p>- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.</p>
67	1.005408.000.00.00.H04	<p>Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản.</p>	<p>- Trực tiếp;</p> <p>- Trực tuyến (Mức độ 3, tại địa chỉ: <a href="https://dichvu.cong.baclieu">https://dichvu.cong.baclieu</a>).</p>	<p><b>Thời hạn giải quyết:</b></p> <p>không quá 45 ngày</p> <p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 05 ngày.</p> <p>- Thời thẩm định giá hồ sơ:</p> <p>Trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày</p>	<p>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (Đường Nguyễn Văn Linh, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc</p>	<p>Không thu phí, lệ phí</p>	<p>- Luật khoáng sản năm 2010;</p> <p>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng</p>

			<p>gov.vn);</p> <p>- Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.</p>	<p>có văn bản tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản/trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản.</p> <p>+ Trong thời hạn không quá 30 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản</p> <p>- Thời hạn giải quyết trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản:</p> <p>+ Trong thời hạn không quá 02 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh</p>	<p><i>Liều)</i></p>		<p>sản;</p> <p>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản.</p>
--	--	--	---	---	---------------------	--	--



và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho phép trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản.

Trong trường hợp không cho phép trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:

Trong thời gian không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân

				đề nghị trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản để nhận kết quả.			
68	2.001783.000.00.00.H04	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Trực tuyến (Mức độ 3, tại địa chỉ: <a href="https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn">https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn</a>);</li> <li>- Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.</li> </ul>	<p><b>Thời hạn giải quyết:</b> không quá 45 ngày</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 05 ngày.</li> <li>- Thời hạn thẩm định hồ sơ: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị gia hạn.</li> <li>+ Trong thời hạn không quá 30 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến gia hạn</li> </ul> </li> <li>- Thời hạn giải quyết</li> </ul>	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (Đường Nguyễn Văn Linh, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)	<p>Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với Giấy phép khai thác khoáng sản và Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình:</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật khoáng sản năm 2010;</li> <li>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;</li> <li>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo, văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;</li> </ul>



			<p>gia hạn Giấy phép khai thác:</p> <p>+ Trong thời hạn không quá 02 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân tỉnh.</p> <p>+ Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cho phép hoặc không cho phép gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản.</p> <p>Trong trường hợp không cho phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:</p> <p>Trong thời gian không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, cơ quan</p>	<p>1. Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối</p> <p>a. Có công suất khai thác dưới 5.000 m<sup>3</sup>/năm: 500.000 đồng/giấy phép.</p> <p>b. Có công suất khai thác từ 5.000 m<sup>3</sup> đến 10.000 m<sup>3</sup>/năm: 5.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>c. Có công suất khai thác trên 10.000 m<sup>3</sup>/năm: 7.500.000 đồng/giấy phép.</p> <p>2. Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp</p> <p>a. Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m<sup>3</sup>/năm: 7.500.000 đồng/giấy phép.</p>	<p>- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.</p>
--	--	--	--	--	---

				tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả.		<p>b. Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m<sup>3</sup>/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m<sup>3</sup>/năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này: 10.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>c. Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m<sup>3</sup>/năm trở lên, trừ hoạt động</p>	
--	--	--	--	--	--	---	--



						<p>khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này: 15.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>3. Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng: 20.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>4. Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, 2, 3, 6, 7 của Biểu mức thu này</p> <p>a. Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp: 20.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>b. Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp: 25.000.000 đồng/giấy</p>	
--	--	--	--	--	--	---	--

						<p>phép.</p> <p>5. Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, 3, 6 của Biểu mức thu này: 30.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>6. Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm: 40.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>7. Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại: 50.000.000 đồng/giấy phép.</p>	
69	1.004345.000.00.00.H04	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Trực tuyến (Mức độ 3, tại địa chỉ: <a href="https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn">https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn</a>);</li> <li>- Qua Hệ thống dịch vụ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 05 ngày.</li> <li>- Thời hạn thẩm định hồ sơ: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực</li> </ul> </li> </ul>	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (Đường Nguyễn Văn Linh, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)	<p>Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khoáng sản năm 2010;</li> <li>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;</li> <li>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT</li> </ul>



			<p>bưu chính công ích.</p> <p>đề nghị chuyển nhượng.</p> <p>+ Trong thời hạn không quá 30 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến chuyển nhượng.</p> <p>- Thời hạn giải quyết chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản:</p> <p>+ Trong thời hạn không quá 02 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>+ Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cho phép hoặc không cho phép chuyển nhượng.</p> <p>Trong trường hợp không cho phép chuyển nhượng thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ</p>	<p>dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể:</p> <p>- <b>Đối với Giấy phép khai thác khoáng sản và Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình:</b></p> <p>1. Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối</p> <p>a. Có công suất khai thác dưới 5.000 m<sup>3</sup>/năm: 500.000 đồng/giấy phép.</p> <p>b. Có công suất khai thác từ 5.000 m<sup>3</sup> đến 10.000 m<sup>3</sup>/năm: 5.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>c. Có công suất khai thác trên 10.000 m<sup>3</sup>/năm: 7.500.000 đồng/giấy phép.</p> <p>2. Giấy phép khai thác khoáng sản làm</p>	<p>ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án khai thác khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo, văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;</p> <p>- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.</p>
--	--	--	--	--	--

				<p>lý do.</p> <p>- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:</p> <p>Trong thời gian không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản để nhận kết quả.</p>		<p>vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp</p> <p>a. Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m<sup>3</sup>/năm: 7.500.000 đồng/giấy phép.</p> <p>b. Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m<sup>3</sup>/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m<sup>3</sup>/năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại</p>	
--	--	--	--	--	--	--	--



						<p>mục 1 của Biểu mức thu này: 10.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>c. Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m<sup>3</sup>/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này: 15.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>3. Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng: 20.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>4. Giấy phép khai</p>	
--	--	--	--	--	--	--	--

						<p>thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, 2, 3, 6, 7 của Biểu mức thu này</p> <p>a. Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp: 20.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>b. Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp: 25.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>5. Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, 3, 6 của Biểu mức thu này: 30.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>6. Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm: 40.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>7. Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại: 50.000.000 đồng/giấy phép.</p>	
--	--	--	--	--	--	---	--



70	1.004135.000.00.00.H04	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Trực tuyến (Mức độ 3. tại địa chỉ: <a href="https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn">https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn</a>);</li> <li>- Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 05 ngày.</li> <li>- Thời thẩm định hồ sơ:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản/trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.</li> <li>+ Trong thời hạn không quá 30 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản/trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản</li> <li>- Thời hạn giải quyết trả lại giấy phép khai thác khoáng sản/trả lại</li> </ul> </li> </ul>	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (Đường Nguyễn Văn Linh, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)	Không thu phí, lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật khoáng sản năm 2010;</li> <li>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;</li> <li>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo, văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản.</li> </ul>
----	------------------------	---	--	--	--	-----------------------	--

				<p>một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản:</p> <p>+ Trong thời hạn không quá 02 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân tỉnh.</p> <p>+ Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho phép hoặc không cho phép trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản/trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.</p> <p>Trong trường hợp không cho phép trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khai thác khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:</p>			
--	--	--	--	---	--	--	--



				Trong thời gian không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản để nhận kết quả.			
71	2.001787. 000.00.00 .H04	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 05 ngày.</li> <li>- Thời hạn kiểm tra báo cáo trữ lượng khoáng sản:</li> <li>+ Trong thời gian không quá 30 ngày, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra toàn bộ hồ sơ tài liệu báo cáo; kiểm tra thực địa khu vực thăm dò khoáng sản, mẫu lõi khoan, hào,</li> </ul>	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (Đường Nguyễn Văn Linh, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)	Nộp phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản áp dụng Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản:	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật khoáng sản năm 2010;</li> <li>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;</li> <li>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm</li> </ul>

				<p>giếng trong trường hợp xét thấy cần thiết;</p> <p>+ Trong thời gian không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc công việc nêu trên, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi báo cáo kết quả thăm dò đến các chuyên gia thuộc các lĩnh vực chuyên sâu để lấy ý kiến góp ý về các nội dung có liên quan trong báo cáo thăm dò khoáng sản. Thời gian trả lời của chuyên gia không quá 20 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan tiếp nhận hồ sơ;</p> <p>+ Trong thời gian không quá 30 ngày, kể từ ngày kết thúc công việc nêu trên, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của các chuyên gia và chuẩn bị hồ sơ, tài liệu để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.</p>		<p>+ Tổng chi phí thăm dò khoáng sản thực tế (không bao gồm thuế GTGT): Đến 01 tỷ đồng, mức phí: 10 triệu</p> <p>+ Tổng chi phí thăm dò khoáng sản thực tế (không bao gồm thuế GTGT): Trên 01 đến 10 tỷ đồng, mức phí: 10 triệu đồng + (0,5% x phần tổng chi phí trên 1 tỷ đồng)</p> <p>+ Tổng chi phí thăm dò khoáng sản thực tế (không bao gồm thuế GTGT): Trên 10 đến 20 tỷ đồng, mức phí: 55 triệu đồng + (0,3% x phần tổng chi phí trên 10 tỷ đồng)</p> <p>+ Tổng chi phí thăm dò khoáng sản thực tế (không bao gồm thuế GTGT): Trên 20 tỷ đồng, mức thu: 85 triệu đồng + (0,2% x phần tổng chi phí trên 20 tỷ đồng)</p>	<p>dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;</p> <p>- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.</p>
--	--	--	--	--	--	---	--



- Thời hạn thẩm định báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản và phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo thăm dò khoáng sản:

+ Trong thời gian không quá 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành nội dung công việc thẩm định hồ sơ, lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Hội đồng tư vấn kỹ thuật (nếu thành lập) tổ chức phiên họp Hội đồng.

+ Trong thời gian không quá 10 ngày, kể từ ngày kết thúc phiên họp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Hội đồng tư vấn kỹ thuật, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành biên bản họp Hội đồng. Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện báo cáo thăm dò khoáng sản theo ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Hội đồng tư vấn kỹ

				<p>thuật, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo nêu rõ nội dung cần bổ sung, hoàn thiện kèm theo biên bản họp Hội đồng.</p> <p>Thời gian tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt trữ lượng bổ sung, hoàn thiện báo cáo thăm dò khoáng sản không tính vào thời gian thẩm định báo cáo.</p> <p>+ Trong thời gian không quá 15 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thăm dò đã bổ sung, hoàn chỉnh của tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt trữ lượng, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định.</p> <p>+ Trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt trữ lượng khoáng sản của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân</p>			
--	--	--	--	---	--	--	--



				<p>cấp tỉnh ban hành quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản.</p> <p>- Thời hạn thông báo và trả kết quả giải quyết hồ sơ:</p> <p>Trong thời gian 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt trữ lượng đến nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan.</p>			
72	1.004367.000.00.00.H04	Đóng cửa mỏ khoáng sản	<p>- Trực tiếp;</p> <p>- Trực tuyến (Mức độ 3, tại địa chỉ: <a href="https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn">https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn</a>);</p> <p>- Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính</p>	<p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 03 ngày.</p> <p>- Thời hạn thẩm định đề án đóng cửa mỏ: không quá 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>+ Trong thời gian không quá 10 ngày kể từ ngày có Phiếu tiếp nhận hồ sơ cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm</p>	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (Đường Nguyễn Văn Linh, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)	Không thu phí, lệ phí	<p>- Luật khoáng sản năm 2010;</p> <p>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;</p> <p>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của</p>

			công ích.	<p>xem xét hồ sơ; lấy ý kiến nhận xét, phản biện của thành viên Hội đồng; mời đại diện thành viên Hội đồng tham gia kiểm tra thực địa (trong trường hợp cần thiết). Trong thời gian không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của cơ quan tiếp nhận hồ sơ, tổ chức, cá nhân được gửi lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về nội dung đề án đóng cửa mỏ và các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn nêu trên, nếu không có văn bản trả lời coi như đã đồng ý.</p> <p>+ Trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến nhận xét, phản biện và cơ quan liên quan, cơ quan tiếp nhận hồ sơ tổng hợp ý kiến góp ý, lập tờ trình báo cáo Chủ tịch Hội đồng thẩm định</p>			<p>Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;</p> <p>- Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản.</p>
--	--	--	-----------	--	--	--	--



để tổ chức phiên họp Hội đồng.

+ Trong thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được Tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Hội đồng quyết định thời điểm tổ chức phiên họp Hội đồng.

+ Trong thời gian không quá 06 ngày, kể từ ngày kết thúc phiên họp, Chủ tịch Hội đồng thẩm định hoàn thành Biên bản họp Hội đồng. Trường hợp phải bổ sung, hoàn chỉnh hoặc chưa thông qua đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ, trong đó nêu rõ lý do phải bổ sung, hoàn chỉnh hoặc chưa thông qua đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, kèm theo Biên bản họp Hội đồng thẩm định.

				<p>Thời gian tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án đóng cửa mỏ khoáng sản không tính vào thời gian thẩm định.</p> <p>- Thời hạn trình hồ sơ, đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản</p> <p>+ Trường hợp đề án đóng cửa mỏ khoáng sản được Hội đồng thẩm định thông qua, trong thời gian không quá 08 ngày, kể từ ngày kết thúc phiên họp Hội đồng hoặc nhận được văn bản bổ sung, hoàn chỉnh đề án của tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ (nếu có), Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn chỉnh và trình hồ sơ phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản;</p> <p>+ Trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày</p>			
--	--	--	--	---	--	--	--



nhận được Tờ trình, kèm theo hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản ban hành quyết định phê duyệt đề án; trường hợp không phê duyệt đề án, phải có trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Thời hạn trả kết quả phê duyệt đề án đóng cửa mỏ: Trong thời gian không quá 02 ngày, kể từ khi nhận được quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan theo quy định.

- Thời hạn tổ chức, cá nhân thực hiện nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê

				<p>duyet: Thời gian căn cứ vào nội dung đề án đóng cửa mỏ được phê duyệt và không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính.</p> <p>- Thời hạn nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản: Trong thời gian không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền xác nhận, hoàn trả tiền ký quỹ phục hồi môi trường, cơ quan khác có liên quan tổ chức kiểm tra thực địa để xác minh kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.</p> <p>- Thời hạn trình hồ sơ đề nghị đóng cửa mỏ: Trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ khi kết thúc kiểm tra thực</p>			
--	--	--	--	--	--	--	--



địa về kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ, Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện hồ sơ theo quy định và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Thời hạn ban hành Quyết định đóng cửa mỏ: Trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan tiếp nhận, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản, trường hợp không đồng ý ban hành quyết định thì phải có trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: Trong thời gian không quá 03 ngày, kể từ khi nhận được Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi

				trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan theo quy định.			
73	2.001781. 000.00.00 .H04	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Trực tuyến (Mức độ 3, tại địa chỉ: <a href="https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn">https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn</a>);</li> <li>- Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra hồ sơ: không quá 05 ngày</li> <li>- Thẩm định hồ sơ:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác tận thu khoáng sản và kiểm tra thực địa.</li> <li>+ Trong thời gian không quá 15 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến khu vực đề nghị khai thác tận thu khoáng</li> </ul> </li> </ul>	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (Đường Nguyễn Văn Linh, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)	<p>Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể: Khai thác tận thu: 5.000.000 đồng/01giấy phép.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật khoáng sản năm 2010;</li> <li>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;</li> <li>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng</li> </ul>



			<p>sản.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình hồ sơ, quyết định cấp giấy phép:</li> <li>+ Trong thời hạn không quá 02 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân tỉnh.</li> <li>+ Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc cấp hoặc không cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản. Trong trường hợp không cấp giấy phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</li> <li>- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:</li> </ul> <p>Trong thời gian không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh,</p>			<p>sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.</li> </ul>
--	--	--	--	--	--	--

				Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.			
74	1.004343.000.00.00.H04	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Trực tuyến (Mức độ 3, tại địa chỉ: <a href="https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn">https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn</a>);</li> <li>- Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra hồ sơ: không quá 05 ngày</li> <li>- Thẩm định hồ sơ:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trong thời gian không quá 03 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị gia hạn.</li> <li>+ Trong thời hạn không quá 05 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến gia hạn.</li> </ul> </li> <li>- Thời hạn giải quyết</li> </ul>	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (Đường Nguyễn Văn Linh, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)	Lệ phí: 2.500.000 đồng/01giấy phép.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật khoáng sản năm 2010;</li> <li>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;</li> <li>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động</li> </ul>



			<p>gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản:</p> <p>+ Trong thời hạn không quá 02 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>+ Trong thời hạn không quá 03 ngày. Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định gia hạn hoặc không gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản. Trong trường hợp không đồng ý gia hạn giấy phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:</p> <p>Trong thời gian không quá 02 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ</p>		<p>khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;</p> <p>- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.</p>
--	--	--	---	--	--

				chức, cá nhân đề nghị gia hạn để nhận kết quả.			
75	2.001777.000.00.00.H04	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Trực tuyến (Mức độ 3, tại địa chỉ: <a href="https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn">https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn</a>);</li> <li>- Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra hồ sơ: không quá 05 ngày</li> <li>- Thẩm định hồ sơ:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trong thời gian không quá 03 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị trả lại.</li> <li>+ Trong thời hạn không quá 05 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.</li> <li>- Thời hạn giải quyết gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản:                   <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể</li> </ul> </li> </ul> </li> </ul>	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (Đường Nguyễn Văn Linh, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)	Không thu phí, lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật khoáng sản năm 2010;</li> <li>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;</li> <li>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ</li> </ul>



			<p>từ ngày hoàn thành việc thẩm định, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>+ Trong thời hạn không quá 03 ngày, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định cho phép trả lại hoặc không cho phép trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.</p> <p>Trường hợp không cho phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:</p> <p>Trong thời gian không quá 02 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn để nhận kết quả.</p>			<p>sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản.</p>
--	--	--	---	--	--	--

76	1.004264.000.00.00.H04	<p>Tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (đối với trường hợp Giấy phép khai thác khoáng sản đã được cấp trước ngày Nghị định số 203/2013/NĐ-CP có hiệu lực)</p>	<p>- Trực tiếp; - Trực tuyến (Mức độ 4, tại địa chỉ: <a href="https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn">https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn</a>); - Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.</p>	<p>- Chậm nhất là 10 (mười) ngày làm việc khi nhận được văn bản phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, Cục thuế địa phương nơi có khu vực khoáng sản được cấp phép khai thác ra thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II của Nghị định số 203/2013/NĐ-CP, gửi tổ chức, cá nhân được cấp quyền khai thác khoáng sản. - Thời điểm nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản chậm nhất lần đầu là 90 (chín mươi) ngày tính từ ngày nhận được thông báo của Cục thuế địa phương; thời điểm các lần sau chậm nhất là ngày 31 tháng 3 các năm tiếp theo. Sau các thời điểm này, ngoài số tiền phải nộp theo thông báo,</p>	<p>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (Đường Nguyễn Văn Linh, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)</p>	<p>Không thu phí, lệ phí</p>	<p>- Luật khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.</p>
----	------------------------	--	---	---	---	------------------------------	--



				tổ chức, cá nhân còn phải nộp tiền phạt theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.			
<b>VIII LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO (05 thủ tục)</b>							
77	1.005401.000.00.00.H04	Giac khu vực biển	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Trực tuyến (Mức độ 3, tại địa chỉ: <a href="https://dichvu.cong.bac Lieu.gov.vn">https://dichvu.cong.bac Lieu.gov.vn</a>);</li> <li>- Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.</li> </ul>	<p><b>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ:</b> Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ kiểm tra hồ sơ. Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ cho cơ quan thẩm định hồ sơ.</p> <p><b>- Thời hạn tiến hành thẩm định:</b> Không quá 45 ngày làm việc kể từ nhận được đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định. Thời gian các bộ, ngành và các cơ quan có liên quan trả lời bằng văn bản không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến. Thời gian</p>	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (Đường Nguyễn Văn Linh, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)	Không thu phí, lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;</li> <li>- Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật Quản lý thuế.</li> </ul>

				<p>kiểm tra thực địa không quá 10 ngày làm việc. Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.</p> <p>- <b>Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ:</b></p> <p>+ <b>Thời hạn trình hồ sơ:</b> không quá ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định.</p> <p>+ <b>Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ:</b> không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày Sở Tài nguyên và Môi trường trình hồ sơ.</p> <p>- <b>Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:</b> Không quá hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền giao khu vực biển.</p>			
--	--	--	--	--	--	--	--



78	1.004935. 000.00.00 .H04	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Trực tuyến (Mức độ 3, tại địa chỉ: <a href="https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn">https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn</a>);</li> <li>- Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.</li> </ul>	<p><b>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ:</b> Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ kiểm tra hồ sơ. Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ cho cơ quan thẩm định hồ sơ.</p> <p><b>- Thời hạn tiến hành thẩm định:</b> Trong thời hạn không quá 30 ngày làm việc kể từ nhận được đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định. Thời gian các bộ, ngành và các cơ quan có liên quan trả lời bằng văn bản không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến. Thời gian kiểm tra thực địa không quá 10 ngày làm việc. Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm</p>	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (Đường Nguyễn Văn Linh, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)	Không thu phí, lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;</li> <li>- Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật Quản lý thuế.</li> </ul>
----	--------------------------------	--	--	--	--	-----------------------	---

				<p>định hồ sơ.</p> <p>- <b>Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ:</b></p> <p>+ <b>Thời hạn trình hồ sơ:</b> không quá ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định.</p> <p>+ <b>Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ:</b> không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày Sở Tài nguyên và Môi trường trình hồ sơ.</p> <p>- <b>Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:</b> không quá hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền giao khu vực biển.</p>			
79	1.005400.000.00.00.H04	Sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển	<p>- Trực tiếp;</p> <p>- Trực tuyến (Mức độ 3. tại địa chỉ: <a href="https://dichvu">https://dichvu</a></p>	<p>- <b>Thời hạn kiểm tra hồ sơ:</b> Không quá ba (03) ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ. Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ</p>	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (Đường Nguyễn Văn Linh, phường 1, thành phố Bạc	Không thu phí, lệ phí	<p>- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai</p>



			<p>cong.baclieu.gov.vn);</p> <p>- Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.</p>	<p>theo quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ cho cơ quan thẩm định hồ sơ.</p> <p>- <b>Thời hạn tiến hành thẩm định:</b></p> <p>Không quá 30 ngày làm việc kể từ nhận được đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định. Trường hợp cần thiết, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, tổ chức kiểm tra thực địa và quyết định thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ. Thời gian kiểm tra thực địa không quá 10 ngày làm việc. Trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan. Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào</p>	<p><i>Liều, tỉnh Bạc Liêu)</i></p>		<p>thác, sử dụng tài nguyên biển;</p> <p>- Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật Quản lý thuế.</p>
--	--	--	--	--	------------------------------------	--	---

				<p>thời gian thẩm định hồ sơ.</p> <p>- <b>Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ:</b></p> <p>+ <b>Thời hạn trình hồ sơ:</b> không quá ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định.</p> <p>+ <b>Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ:</b> không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày Sở Tài nguyên và Môi trường trình hồ sơ. Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: không quá hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền giao khu vực biển.</p>			
--	--	--	--	---	--	--	--



80	1.005399. 000.00.00 .H04	Trả lại khu vực biển	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Trực tuyến (Mức độ 3, tại địa chỉ: <a href="https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn">https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn</a>);</li> <li>- Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.</li> </ul>	<p><b>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ:</b> Không quá ba (03) ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ. Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ cho cơ quan thẩm định hồ sơ.</p> <p><b>- Thời hạn tiến hành thẩm định:</b> Trong thời hạn không quá 20 ngày làm việc đối với đề nghị trả lại một phần khu vực biển hoặc không quá 15 ngày làm việc đối với đề nghị trả lại toàn bộ khu vực biển, kể từ nhận được đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định. Thời gian các bộ, ngành và các cơ quan có liên quan trả lời bằng văn bản không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến. Thời gian kiểm tra thực địa không</p>	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (Đường Nguyễn Văn Linh, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)	Không thu phí, lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;</li> <li>- Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật Quản lý thuế.</li> </ul>
----	--------------------------------	-------------------------	--	--	--	-----------------------	---

				<p>quá 10 ngày làm việc. Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.</p> <p>- <b>Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ:</b></p> <p>+ <b>Thời hạn trình hồ sơ:</b> không quá ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định.</p> <p>+ <b>Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ:</b> không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày Sở Tài nguyên và Môi trường trình hồ sơ.</p> <p>- <b>Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:</b> Không quá hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền giao khu vực biển.</p>			
--	--	--	--	--	--	--	--



81	1.009481.000.00.00.H04	Công nhận khu vực biển	<p>- Trực tiếp;</p> <p>- Trực tuyến (Mức độ 3, tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.baclieu.gov.vn">https://dichvucong.baclieu.gov.vn</a>);</p> <p>- Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.</p>	<p><b>- Thời gian kiểm tra hồ sơ:</b> Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ kiểm tra hồ sơ. Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ cho cơ quan thẩm định hồ sơ.</p> <p><b>- Thời hạn tiến hành thẩm định:</b> Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày ra văn bản tiếp nhận hồ sơ hợp lệ. Thời gian các bộ, ngành và các cơ quan có liên quan trả lời bằng văn bản không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến. Thời gian kiểm tra thực địa không quá 10 ngày làm việc. Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.</p>	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (Đường Nguyễn Văn Linh, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)	Không thu phí, lệ phí	<p>- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;</p> <p>- Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật Quản lý thuế.</p>
----	------------------------	------------------------	---	---	--	-----------------------	--

			<p>- Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ:</p> <p>+ Thời hạn trình hồ sơ: không quá ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định.</p> <p>- Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày Sở Tài nguyên và Môi trường trình hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: không quá hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền công nhận khu vực biển bằng Quyết định giao khu vực biển.</p>			
IX	LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC (14 thủ tục)					

82	2.001770. 000.00.00 .H04	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Trực tuyến (Mức độ 4, tại địa chỉ: <a href="https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn">https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn</a>);</li> <li>- Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: trong thời hạn 10 ngày làm việc (nằm trong thời hạn kiểm tra hồ sơ cấp giấy phép về tài nguyên nước), kể từ ngày nhận hồ sơ cấp giấy phép về tài nguyên nước, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</li> <li>- Thời hạn thẩm định, phê duyệt hồ sơ và trả kết quả: trong thời hạn 30 ngày làm việc (nằm trong thời hạn thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng tài nguyên nước), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thẩm định hồ sơ. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày</li> </ul>	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (Đường Nguyễn Văn Linh, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)	Không thu phí, lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Tài nguyên nước năm 2012;</li> <li>- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/11/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;</li> <li>- Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;</li> <li>- Nghị định số 41/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;</li> <li>- Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 03/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Bảng</li> </ul>
----	--------------------------------	--	--	--	--	-----------------------	--



				<p>nhận được quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi thông báo cho chủ giấy phép và Cục thuế địa phương nơi có công trình khai thác kèm theo quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. Chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản phê duyệt, thông báo tiền cấp quyền, Cục thuế địa phương nơi có công trình khai thác tài nguyên nước ra thông báo nộp tiền (Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 41/2021/NĐ-CP) gửi tổ chức, cá nhân nộp tiền cấp quyền.</p>			<p>giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.</p>
--	--	--	--	---	--	--	---

83	1.009669. 000.00.00 .H04	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành cấp tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Trực tuyến (Mức độ 4, tại địa chỉ: <a href="https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn">https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn</a>);</li> <li>- Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</li> <li>- Thời hạn thẩm định hồ sơ, trình phê duyệt và trả kết quả giải quyết: không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thẩm định hồ sơ.</li> <li>- Thời hạn gửi thông báo: Chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản phê duyệt, thông báo tiền cấp quyền, Cục thuế địa phương nơi có công trình khai thác tài nguyên nước ra thông báo nộp tiền.</li> </ul>	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (Đường Nguyễn Văn Linh, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)	Không thu phí, lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật tài nguyên nước năm 2012;</li> <li>- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;</li> <li>- Nghị định số 82/2017/NĐ-CP quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;</li> <li>- Nghị định số 41/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;</li> <li>- Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Bảng giá tính</li> </ul>
----	--------------------------------	---	--	---	--	-----------------------	--

							thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.
84	1.004283.000.00.00.H04	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Trực tuyến (Mức độ 3, tại địa chỉ: <a href="https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn">https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn</a>);</li> <li>- Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.</li> </ul>	<p>Trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc điều chỉnh; trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện hồ sơ thì Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo cho chủ giấy phép nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện; thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và thời gian lấy ý kiến xác nhận về thời gian công trình ngừng khai thác không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.</p>	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (Đường Nguyễn Văn Linh, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)	Không thu phí, lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Tài nguyên nước năm 2012;</li> <li>- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/11/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;</li> <li>- Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;</li> <li>- Nghị định số 41/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;</li> <li>- Quyết định số</li> </ul>



							19/2017/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.
85	1.004232. 000.00.00 .H04	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Trực tuyến (Mức độ 3, tại địa chỉ: <a href="https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn">https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn</a>);</li> <li>- Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài Nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.</li> <li>- Thời hạn thẩm định đề án: Trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài Nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định đề án.</li> <li>Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án không tính vào thời gian thẩm định đề án. Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh là hai mươi (20) ngày làm việc.</li> </ul>	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (Đường Nguyễn Văn Linh, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)	<ul style="list-style-type: none"> <li>* <i>Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò nước dưới đất:</i></li> <li>- Đề án thiết kế giếng thăm dò có lưu lượng nước dưới 200m<sup>3</sup>/ngày đêm: 400.000 đồng/đề án;</li> <li>- Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng nước từ 200m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 500m<sup>3</sup>/ngày đêm: 1.100.000 đồng/đề án, báo cáo;</li> <li>- Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng nước từ 500m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 1.000m<sup>3</sup>/ngày đêm: 2.600.000 đồng/đề án, báo cáo;</li> <li>- Đề án thăm dò có lưu lượng nước từ 1.000m<sup>3</sup>/ngày đêm đến</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Tài nguyên nước năm 2012;</li> <li>- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/11/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;</li> <li>- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</li> <li>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện</li> </ul>

				<p>- Thời hạn trả giấy phép: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận giấy phép.</p>		<p>dưới 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm: 5.000.000 đồng/đề án.</p>	<p>dầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, Mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;</li> <li>- Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu;</li> <li>- Quyết định 218/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.</li> </ul>
--	--	--	--	---	--	--	--



86	1.004228. 000.00.00 .H04	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Trực tuyến (Mức độ 3, tại địa chỉ: <a href="https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn">https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn</a>);</li> <li>- Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.</li> <li>- Thời hạn thẩm định báo cáo: Trong thời hạn hai mươi lăm (25) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định báo cáo.</li> <li>- Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là hai mươi (20) ngày làm việc.</li> <li>- Thời hạn trả giấy phép: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ</li> </ul>	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (Đường Nguyễn Văn Linh, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)	Áp dụng mức thu bằng 50% mức thu cấp giấy lần đầu.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Tài nguyên nước năm 2012;</li> <li>- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/11/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;</li> <li>- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</li> <li>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</li> <li>- Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi</li> </ul>
----	--------------------------------	---	--	--	--	--	--



				chức, cá nhân đề nghị cấp phép để thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận giấy phép.			<p>trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, Mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;</p> <p>- Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu;</p> <p>- Quyết định 218/QĐ- UBND ngày 30/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.</p>
--	--	--	--	--	--	--	---

87	1.004223. 000.00.00 .H04	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm	<p>- Trực tiếp;</p> <p>- Trực tuyến (Mức độ 3, tại địa chỉ: <a href="https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn">https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn</a>);</p> <p>- Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.</p>	<p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài Nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn thẩm định đề án: Trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài Nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định đề án.</p> <p><i>Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án không tính vào thời gian thẩm định đề án. Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh là hai mươi (20) ngày làm việc.</i></p> <p>- Thời hạn trả giấy phép: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp</p>	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (Đường Nguyễn Văn Linh, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)	<p>- Phí thẩm định báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất:</p> <p>+ Báo cáo kết quả thi công giếng thăm dò có quy mô dưới 200m<sup>3</sup>/ngày đêm: 400.000 đồng/báo cáo;</p> <p>+ Báo cáo kết quả thăm dò có lưu lượng từ 200m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 500m<sup>3</sup>/ngày đêm: 1.400.000 đồng/báo cáo;</p> <p>+ Báo cáo kết quả thăm dò có lưu lượng nước từ 500m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 1.000m<sup>3</sup>/ngày đêm: 3.400.000 đồng/báo cáo;</p> <p>+ Báo cáo kết quả thăm dò có lưu lượng nước từ 1.000m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm: 6.000.000 đồng/báo cáo.</p>	<p>- Luật Tài nguyên nước năm 2012;</p> <p>- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/11/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;</p> <p>- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</p> <p>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</p> <p>- Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 quy định về phương pháp tính, mức</p>
----	--------------------------------	---	---	--	--	---	--

				phép để thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận giấy phép.			<p>thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 41/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;</li> <li>- Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, Mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;</li> <li>- Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử</li> </ul>
--	--	--	--	---	--	--	--





							<p>dụng phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu;</p> <p>- Quyết định 218/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu;</p> <p>- Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.</p>
88	1.004211.000.00.00.H04	<p>Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm</p>	<p>- Trực tiếp:</p> <p>- Trực tuyến (Mức độ 3, tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.baclieu.gov.vn">https://dichvucong.baclieu.gov.vn</a>):</p> <p>- Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính</p>	<p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn thẩm định báo cáo: Trong thời hạn hai mươi lăm (25) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài</p>	<p>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (Đường Nguyễn Văn Linh, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)</p>	<p>Phí thẩm định: Áp dụng mức thu bằng 50% mức thu cấp giấy lần đầu.</p>	<p>- Luật Tài nguyên nước năm 2012;</p> <p>- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/11/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;</p> <p>- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính</p>

			<p>công ích.</p> <p>nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định báo cáo.</p> <p><i>Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là hai mươi (20) ngày làm việc.</i></p> <p><i>- Thời hạn trả giấy phép:</i>          Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận giấy phép.</p>			<p>phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</p> <p>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</p> <p>- Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;</p> <p>- Nghị định số 41/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài</p>
--	--	--	---	--	--	--

							<p>nguyên nước;</p> <p>- Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất. Mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;</p> <p>- Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu;</p> <p>- Quyết định 218/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu;</p> <p>- Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND</p>
--	--	--	--	--	--	--	--



							ngày 03 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.
89	1.004179.000.00.00.H04	<p>Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới <math>2\text{m}^3/\text{giờ}</math>; phát điện với công suất lắp máy dưới <math>2.000\text{kw}</math>; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới <math>50.000\text{m}^3/\text{ngày}</math> đêm; Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới</p>	<p>- Trực tiếp; - Trực tuyến (Mức độ 3, tại địa chỉ: <a href="https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn">https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn</a>); - Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.</p>	<p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài Nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. - Thời hạn thẩm định đề án: Trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài Nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định đề án. Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án không tính vào thời gian thẩm định đề án. Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh là hai mươi (20) ngày làm việc. - Thời hạn trả giấy phép: Trong thời hạn năm (05)</p>	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (Đường Nguyễn Văn Linh, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)	<p>- Phí thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển: + Đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng dưới <math>0,1\text{m}^3/\text{giờ}</math> hoặc để phát điện với công suất dưới <math>50\text{kw}</math>; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng dưới <math>500\text{m}^3/\text{ngày}</math> đêm; hoặc khai thác, sử dụng nước biển phục vụ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên đất liền với quy mô từ <math>10.000\text{m}^3/\text{ngày}</math> đêm đến dưới <math>25.000\text{m}^3/\text{ngày}</math> đêm:</p>	<p>- Luật Tài nguyên nước năm 2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/11/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước; - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh</p>

		100.000m <sup>3</sup> / ngày đêm		ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận giấy phép.		<p>600.000 đồng/ đề án, báo cáo.</p> <p>+ Đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,1m<sup>3</sup> đến dưới 0,5m<sup>3</sup>/giờ; hoặc để phát điện với công suất từ 50kw đến dưới 200kw hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 500 m<sup>3</sup> đến dưới 3.000 m<sup>3</sup>/ ngày đêm; hoặc khai thác, sử dụng nước biển phục vụ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên đất liền với quy mô từ 25.000m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 50.000m<sup>3</sup>/ngày đêm: 1.800.000 đồng/ đề án, báo cáo.</p> <p>+ Đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,5 m<sup>3</sup> đến</p>	<p>thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</p> <p>- Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;</p> <p>- Nghị định số 41/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;</p> <p>- Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, Mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;</p> <p>- Nghị quyết số</p>
--	--	-------------------------------------	--	--	--	---	---



					<p>dưới <math>1\text{m}^3/\text{giây}</math>; hoặc  đề phát điện với công  suất từ 200kw đến  dưới 1.000kw; hoặc  cho các mục đích  khác với lưu lượng từ  <math>3.000\text{m}^3</math> đến dưới  <math>20.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}</math>;  hoặc khai thác, sử  dụng nước biển phục  vụ các hoạt động sản  xuất, kinh doanh, dịch  vụ trên đất liền với  quy mô từ  <math>50.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}</math>  đến dưới  <math>75.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}</math>;  4.400.000 đồng/ đề  án, báo cáo;  + Đề án, báo cáo khai  thác, sử dụng nước  mặt cho sản xuất  nông nghiệp với lưu  lượng từ <math>1\text{m}^3</math> đến  dưới <math>2\text{m}^3/\text{giây}</math>; hoặc  đề phát điện với công  suất từ 1.000kw đến  dưới 2.000kw hoặc  cho các mục đích  khác với lưu lượng từ</p>	<p>08/2020/NQ-HĐND  ngày 10/7/2020 của  Hội đồng nhân dân tỉnh  về việc ban hành danh  mục, mức thu, miễn,  giảm, quản lý và sử  dụng phí và lệ phí trên  địa bàn tỉnh Bạc Liêu;  - Quyết định 218/QĐ-  UBND ngày 30/7/2020  của Ủy ban nhân dân  tỉnh về việc ban hành  danh mục, mức thu,  miễn, giảm, quản lý và  sử dụng phí, lệ phí trên  địa bàn tỉnh Bạc Liêu;  - Quyết định số  19/2017/QĐ-UBND  ngày 03 tháng 11 năm  2017 của Ủy ban nhân  dân tỉnh về việc ban  hành Bảng giá tính  thuế tài nguyên trên địa  bàn tỉnh Bạc Liêu.</p>
--	--	--	--	--	---	---



						20.000m <sup>3</sup> đến dưới 50.000m <sup>3</sup> / ngày đêm hoặc khai thác, sử dụng nước biển phục vụ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên đất liền với quy mô từ 75.000m <sup>3</sup> /ngày đêm đến dưới 100.000m <sup>3</sup> /ngày đêm: 8.400.000 đồng/ đề án, báo cáo.	
90	1.004167.000.00.00.H04	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m <sup>3</sup> /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Trực tuyến (Mức độ 3, tại địa chỉ: <a href="https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn">https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn</a>);</li> <li>- Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.</li> <li>- Thời hạn thẩm định báo cáo: Trong thời hạn hai mươi lăm (25) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định báo cáo.</li> </ul>	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (Đường Nguyễn Văn Linh, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)	Phí thẩm định: Áp dụng mức thu bằng 50% mức thu cấp giấy lần đầu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Tài nguyên nước năm 2012;</li> <li>- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/11/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;</li> <li>- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực</li> </ul>

		khác với lưu lượng dưới 50.000m <sup>3</sup> /ngày đêm; Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000m <sup>3</sup> /ngày đêm		<p><i>Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là hai mươi (20) ngày làm việc.</i></p> <p><i>- Thời hạn trả giấy phép:</i>          Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận giấy phép.</p>		<p>tài nguyên và môi trường;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</li> <li>- Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;</li> <li>- Nghị định số 41/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;</li> <li>- Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT</li> </ul>
--	--	---	--	--	--	---

							<p>ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, Mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;</p> <p>- Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu;</p> <p>- Quyết định 218/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu;</p> <p>- Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban</p>
--	--	--	--	--	--	--	--



							hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.
91	1.004122.000.00.00.H04	Cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Trực tuyến (Mức độ 3, tại địa chỉ: <a href="https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn">https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn</a>);</li> <li>- Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.</li> </ul>	<p><i>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ:</i> Trong thời gian ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.</p> <p><i>- Thời hạn thẩm định hồ sơ:</i> Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân tỉnh.</p> <p><i>- Thời hạn trả quyết định cấp phép:</i> Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình cấp phép, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp phép hành nghề.</p>	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (Đường Nguyễn Văn Linh, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)	Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất: 1.400.000 đồng/hồ sơ.	<p>- Luật Tài nguyên nước năm 2012;</p> <p>- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/11/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;</p> <p>- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</p> <p>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh</p>

							<p>thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất;</li> <li>- Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu;</li> <li>- Quyết định 218/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.</li> </ul>
--	--	--	--	--	--	--	--

92	2.001738.000.00.00.H04	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Trực tuyến (Mức độ 3, tại địa chỉ: <a href="https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn">https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn</a>);</li> <li>- Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời gian ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.</li> <li>- Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân tỉnh.</li> <li>- Thời hạn trả quyết định cấp phép: Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình cấp phép, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp phép hành nghề.</li> </ul>	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (Đường Nguyễn Văn Linh, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)	Phí thẩm định: bằng 50% mức thu so với cấp phép.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Tài nguyên nước năm 2012;</li> <li>- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/11/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;</li> <li>- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</li> <li>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</li> <li>- Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi</li> </ul>
----	------------------------	--	--	---	--	--	--



							<p>trường ban hành Quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất;</p> <p>- Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu;</p> <p>- Quyết định 218/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.</p>
93	1.000824.000.00.00.H04	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước (giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước)	<p>- Trực tiếp;</p> <p>- Trực tuyến (Mức độ 3. tại địa chỉ: <a href="https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn">https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn</a>);</p> <p>- Qua Hệ</p>	<p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn thẩm định báo cáo: Trong thời hạn mười (10) ngày làm</p>	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (Đường Nguyễn Văn Linh, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu).	Phí thẩm định: Áp dụng mức thu bằng 30% mức thu cấp giấy lần đầu.	<p>- Luật Tài nguyên nước năm 2012;</p> <p>- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/11/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;</p> <p>- Nghị định số</p>

			<p>thông dịch vụ bưu chính công ích.</p> <p>việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định báo cáo.</p> <p>- <i>Thời hạn trả giấy phép:</i> Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận giấy phép.</p>			<p>60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</p> <p>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</p> <p>- Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, Mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;</p> <p>- Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh</p>
--	--	--	---	--	--	--

							<p>về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu;</p> <p>- Quyết định 218/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.</p>
94	1.004253.000.00.00.H04	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	<p>- Trực tiếp:</p> <p>- Trực tuyến (Mức độ 3, tại địa chỉ: <a href="https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn">https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn</a>):</p> <p>- Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.</p>	<p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời gian ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn mười lăm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân tỉnh.</p>	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (Đường Nguyễn Văn Linh, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)	Phí thẩm định: Áp dụng mức thu bằng 30% mức thu cấp giấy lần đầu.	<p>- Luật Tài nguyên nước năm 2012;</p> <p>- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/11/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;</p> <p>- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi</p>



				<p>- Thời hạn trả quyết định cấp phép: Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình cấp phép, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp phép hành nghề.</p>		<p>trường;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</li> <li>- Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất;</li> <li>- Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu;</li> <li>- Quyết định 218/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành</li> </ul>
--	--	--	--	---	--	---

							danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.
95	1.001740.000.00.00.H04	Lấy ý kiến cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Trực tuyến (Mức độ 3. tại địa chỉ: <a href="https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn">https://dichvu.cong.baclieu.gov.vn</a>);</li> <li>- Qua Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể ngày nhận được đề nghị xin ý kiến của chủ dự án, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm gửi các tài liệu liên quan đến các sở, ban, ngành liên quan thuộc tỉnh.</li> <li>- Trong thời hạn sáu mươi (60) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị xin ý kiến của chủ dự án:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tổ chức lưu vực sông có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho chủ dự án;</li> <li>+ Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức các buổi làm việc, cuộc họp với sở, ban, ngành liên quan thuộc tỉnh và các tổ chức, cá</li> </ul> </li> </ul>	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (Đường Nguyễn Văn Linh, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)	Kinh phí tổ chức lấy ý kiến do chủ dự án chi trả	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Tài nguyên nước năm 2012;</li> <li>- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/11/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước.</li> </ul>

				nhân liên quan cho ý kiến về công trình dự kiến xây dựng hoặc đối thoại trực tiếp với chủ dự án tổng hợp ý kiến và trình Ủy ban nhân dân tỉnh để gửi chủ dự án.			
--	--	--	--	---	--	--	--

TỔNG SỐ: 95 TTHC<sup>1</sup> ./.

<sup>11</sup> Mức độ 3: 41; Mức độ 4: 07.



**BIỂU MỨC THU PHÍ KHAI THÁC, SỬ DỤNG  
THÔNG TIN DỮ LIỆU ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ**

Số TT	Loại thông tin, dữ liệu	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Bản đồ địa hình quốc gia in trên giấy</b>			
1	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:10.000 và lớn hơn	tờ	120.000	
2	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000	tờ	130.000	
3	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:50.000	tờ	140.000	
4	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:100.000 và nhỏ hơn	tờ	170.000	
<b>II</b>	<b>Bản đồ số dạng Vector</b>			
1	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2.000	mảnh	400.000	<p>Nếu chọn lọc nội dung theo lớp dữ liệu thành phần thì mức thu phí như sau:</p> <p>a) Nhóm lớp dữ liệu: địa hình; dân cư; giao thông; thủy văn: thu bằng 1/6 mức thu theo mảnh nhân với hệ số 1,2;</p> <p>b) Nhóm lớp dữ liệu: địa giới hành chính, biên giới quốc gia; thực vật: thu bằng 1/6 mức thu theo mảnh</p>
2	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:5.000	mảnh	440.000	
3	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:10.000	mảnh	670.000	
4	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000	mảnh	760.000	
5	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:50.000	mảnh	950.000	
6	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:100.000	mảnh	2.000.000	
7	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:250.000	mảnh	3.500.000	
8	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:500.000	mảnh	5.000.000	
9	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:1.000.000	mảnh	8.000.000	
10	Bản đồ hành chính Việt Nam	bộ	4.000.000	

Số TT	Loại thông tin, dữ liệu	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Ghi chú
11	Bản đồ hành chính tỉnh	bộ	2.000.000	
12	Bản đồ hành chính cấp huyện	bộ	1.000.000	
III	Bản đồ số dạng Raster	Mức thu bằng 50% bản đồ số dạng vector cùng tỷ lệ		
IV	Dữ liệu ảnh hàng không			
1	Dữ liệu ảnh hàng không kỹ thuật số	file	250.000	
2	Dữ liệu ảnh hàng không quét từ tờ phim độ phân giải 16 μm	file	250.000	
3	Dữ liệu ảnh hàng không quét từ tờ phim độ phân giải 20 μm	file	200.000	
4	Dữ liệu ảnh hàng không quét từ tờ phim độ phân giải 22 μm	file	150.000	
5	Bình đồ ảnh số tỷ lệ 1:2.000	mảnh	60.000	
6	Bình đồ ảnh số tỷ lệ 1:5.000	mảnh	60.000	
7	Bình đồ ảnh số tỷ lệ 1:10.000	mảnh	70.000	
8	Bình đồ ảnh số tỷ lệ 1:25.000	mảnh	70.000	
9	Bình đồ ảnh số tỷ lệ 1:50.000	mảnh	70.000	
V	Số liệu của mạng lưới tọa độ quốc gia			
1	Cấp 0	điểm	340.000	
2	Hạng I	điểm	250.000	
3	Hạng II	điểm	220.000	



Số TT	Loại thông tin, dữ liệu	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Ghi chú
4	Hạng III	điểm	200.000	Áp dụng cho cả các điểm địa chính cơ sở
<b>VI</b>	<b>Số liệu của mạng lưới độ cao quốc gia</b>			
1	Hạng I	điểm	160.000	
2	Hạng II	điểm	150.000	
3	Hạng III	điểm	120.000	
<b>VII</b>	<b>Số liệu của mạng lưới trọng lực quốc gia</b>			
1	Điểm cơ sở	điểm	200.000	
2	Hạng I	điểm	160.000	
3	Hạng II	điểm	140.000	
<b>VIII</b>	<b>Ghi chú điểm tọa độ quốc gia, độ cao quốc gia, trọng lực quốc gia</b>	tờ	20.000	
<b>IX</b>	<b>Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia</b>			
1	Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:2.000	mảnh	400.000	<p>1. Nếu chọn lọc nội dung theo dữ liệu thành phần thì mức thu phí như sau:</p> <p>a) Các dữ liệu: địa hình; dân cư; giao thông; thủy văn: thu bằng 1/6 mức thu theo mảnh nhân với hệ số 1,2;</p> <p>b) Các dữ liệu: địa giới hành chính, biên giới quốc gia; lớp phủ bề mặt: thu bằng 1/6 mức thu theo</p>
2	Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:5.000	mảnh	500.000	
3	Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:10.000	mảnh	850.000	
4	Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:25.000; 1:50.000; 1:100.000	mảnh	1.500.000	
5	Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:250.000; 1:500.000; 1:1.000.000	mảnh	8.000.000	



Số TT	Loại thông tin, dữ liệu	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Ghi chú
				mảnh. 2. Nếu bản đồ số được kết xuất từ cơ sở dữ liệu và đã thu phí sử dụng cơ sở dữ liệu thì không thu phí sử dụng bản đồ.
6	Mô hình số độ cao độ chính xác cao xây dựng bằng công nghệ quét lidar đóng gói theo mảnh tỉ lệ 1/2.000 hoặc tỷ lệ 1/5.000	mảnh	200.000	
7	Mô hình số độ cao độ chính xác tương ứng với khoảng cao đều 0.5 mét đến 5 mét đóng gói theo mảnh tỷ lệ 1/2.000 hoặc tỷ lệ 1/5.000	mảnh	80.000	
8	Mô hình số độ cao độ chính xác tương ứng với khoảng cao đều 5 mét đến 10 mét đóng gói theo mảnh tỷ lệ 1/10.000	mảnh	170.000	
9	Mô hình số độ cao độ chính xác tương ứng với khoảng cao đều 5 mét đến 10 mét: - Đóng gói theo mảnh tỷ lệ 1:50.000 - Đóng gói theo mảnh tỷ lệ 1:25.000	mảnh mảnh	2.550.000 640.000	
10	Mô hình số độ cao độ chính xác tương ứng với khoảng cao đều 20 mét đóng gói theo mảnh tỷ lệ 1/50.000	mảnh	300.000	

-----

## DANH MỤC PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(đối với hoạt động thăm định do cơ quan địa phương thực hiện)

1. Đơn vị tổ chức thu: Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị trực thuộc.

2. Danh mục và các mức thu:

PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG					
Phí thăm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; Phí thăm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung					
				Đơn vị tính: triệu đồng	
Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng)	≤50	>50 và ≤100	>100 và ≤200	>200 và ≤500	>500
Nhóm 1. Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường	6,0	7,5	14,0	16,5	20,0
Nhóm 2. Dự án công trình dân dụng	8	10	18,0	19,0	30,0
Nhóm 3. Dự án hạ tầng kỹ thuật	9	11,5	20,5	21,5	30,0

Nhóm 4. Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	9,0	11,5	20,5	21,5	29,0
Nhóm 5. Dự án giao thông	9,5	12,0	21,5	24,0	30,0
Nhóm 6. Dự án công nghiệp	10,0	12,5	23,0	24,0	31,0
Nhóm 7. Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6)	6,0	7,0	13,0	14,5	19,0

*(Trường hợp thẩm định lại báo cáo đánh giá tác động môi trường; Phí thẩm định phương án cải tạo phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung, mức thu bằng 50% mức thu áp dụng đối với báo cáo đánh giá môi trường chính thức)*





**Phu lục 2**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NĂM 2021 BỊ BÃI BỎ,**  
**THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BẠC LIÊU**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 125/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2022*  
*của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

STT	Mã số TTHC (Trên Cổng Dịch vụ công quốc gia)	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý quy định việc bãi bỏ	Ghi chú
<b>LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC</b>				
01	1.004152.000.00.00.H04	Cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m <sup>3</sup> /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm đối với các hoạt động khác	Khoản 1, Điều 169 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020	Bộ TNMT chưa hủy công khai trên Cổng DVCQG
02	1.004140.000.00.00.H04	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m <sup>3</sup> /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm đối với các hoạt động khác	Khoản 1, Điều 169 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020	nt

**TỔNG SỐ: 02 TTHC ./.**